



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHỆ KHẢO SÁT
Survey Technology & Trading Joint Stock Company

ĐC: 159 Phố Khâm Thiên - Đống Đa - Hà Nội * Tel: 04. 3518. 3386 * Fax: 04. 3518.1524
E-mail: sujco@hn.vnn.vn Website: www.sujcom.com

ISO 9001: 2000; ISO/ IEC 17025: 2005



HƯỚNG DẪN NHANH

SỬ DỤNG MÁY TOÀN ĐẠC LASER SERI NPL-302

NIKON

Hà nội, 9-2008

GIỚI THIỆU

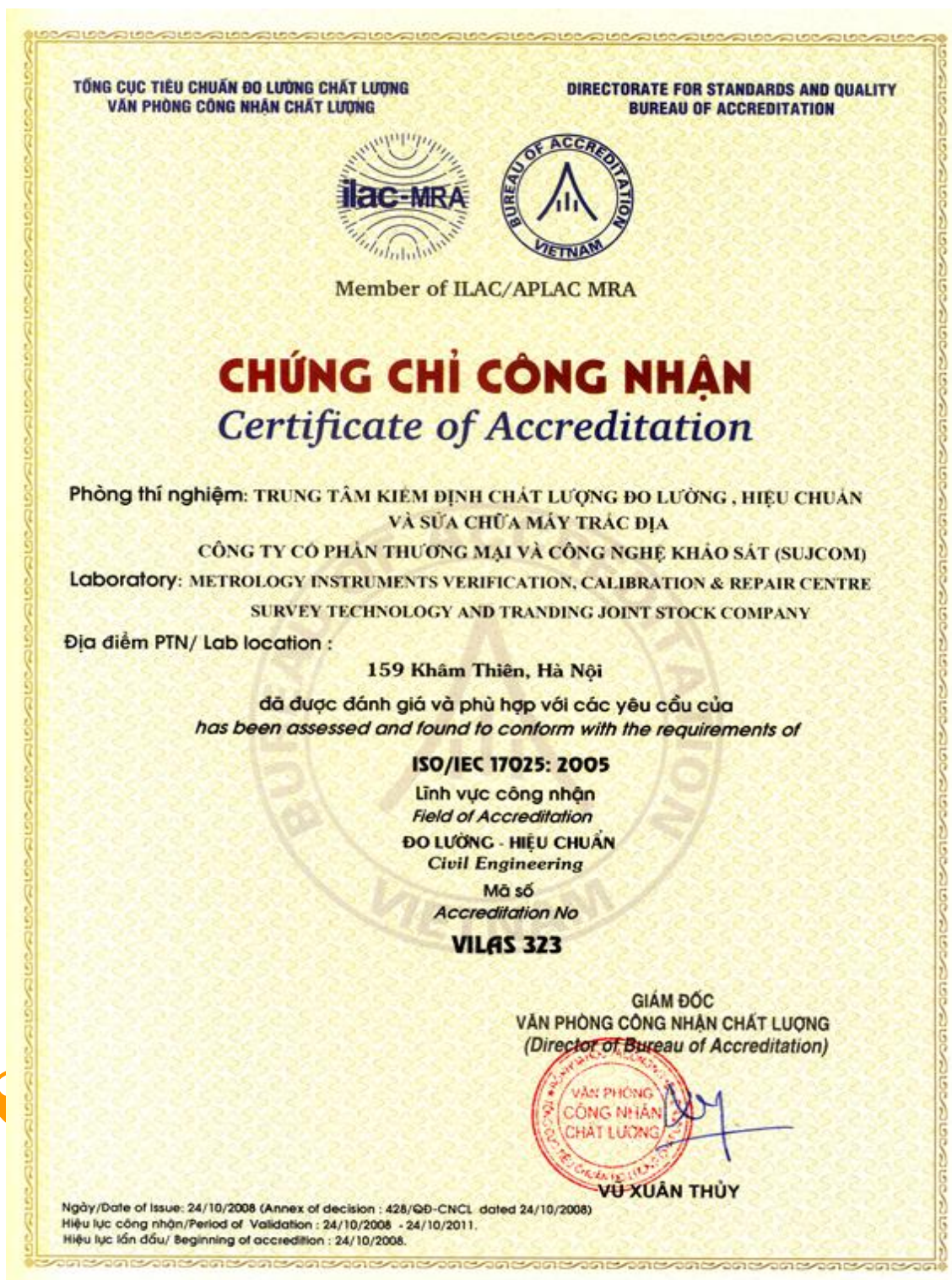
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN

VLAS 323

- * Phòng thí nghiệm đạt đầy đủ các chứng chỉ, là thành viên của tổ chức ILAC/ APLAC MRA.
- * Là Trung tâm Kiểm định – Hiệu chuẩn ngoài quốc doanh duy nhất tại miền Bắc.
- * Theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2000 và ISO/IEC 17025:2005.

DỊCH VỤ

- Kiểm định hiệu chuẩn các thiết bị đo đạc có giá trị toàn quốc.
- Giấy chứng nhận Kiểm định hiệu chuẩn có giá trị 01 năm kể từ ngày xác nhận.
- Thời gian hiệu chuẩn nhanh, chi phí hợp lý.





Mục lục	
1. Hướng dẫn sử dụng tài liệu	
2. An toàn và bảo quản máy	
2.1 An toàn khi sử dụng	
2.2 Bảo quản máy	
3. Màn hình, bàn phím và chức năng các phím Chức năng các phím cứng	
4. Chuẩn bị máy để làm việc	
4.1 Khởi động, kiểm tra, nạp pin	
4.1.1 Khởi động, tắt máy	
4.1.2 Kiểm tra máy	
4.1.3 Nạp pin	
4.2 Chuẩn bị phụ kiện và dụng cụ làm việc ngoài hiện trường	
4.3 Cài đặt các thông số và chế độ làm việc của máy	
4.3.1 Cài đặt chế độ vận hành bằng các phím bấm giữ 1s	
4.3.2 Cài đặt bằng phần mềm điều khiển	
4.3.3 Đặt đồng hồ trong máy	
4.4 Chuẩn bị công việc trên máy để thao tác ngoài hiện trường	
A. Chuẩn bị công việc:	
4.4.1 Tạo công việc chọn Creat	
4.4.2 Xóa công việc chọn DEL	
4.4.3 Tạo việc kiểm tra - file chứa tọa độ các điểm không chế dùng cho nhiều file khác - chọn Ctrl	
4.4.4 Xem thông tin việc chọn Info	
B. Làm xong bước A	
4.4.5 Nhập tọa độ điểm chọn 2.XYZ data	
B.1 Ngoài ra các phím mềm chức năng khác có ý nghĩa như sau:	
4.4.6 Xem bản ghi	
4.4.7 Sửa bản ghi	
4.4.8 Lật trang cửa sổ bản ghi	
4.4.9 Tìm bản ghi tự động	
4.4.10 Xóa bản ghi	
4.4.11 Chèn bản ghi	
5. Thao tác đặt trạm, chuyển trạm máy	
5.1 Đặt trạm trên điểm biết tọa độ hay góc phương vị 1.Known	
5.1.1 Điểm hướng chuẩn dùng tọa độ 1.Coord	
5.1.2 Biết góc phương vị tới hướng chuẩn 2.Angle	
5.2 Đặt trạm bằng cách đo giao hội để tính tọa độ điểm trạm 2.Ressection	
5.3 Đặt trạm (lưới) độc lập 3.Quick	
5.4 Xác định cao độ điểm đặt trạm dựa vào cao độ điểm không chết 4.Remote BM	
5.5 Kiểm tra và đặt lại điểm hướng chuẩn 5.BS Check	
5.6 Đặt trạm tạm thời trên điểm đã biết tọa độ 6.Base XYZ	
5.7 Đặt trạm bằng cách đo tới hai điểm nằm trên một đoạn thẳng 7.Know Line	
5.7 Chuyển trạm máy	
6. Đo chế độ kinh vĩ	
6.1 Đặt góc ngang về 0 chọn 1.0-Oset	
6.2 Nhập giá trị góc ngang chọn 2.Input	
6.3 Đo lặp chọn 3.Rept.	

6.4 Đo hai mặt chọn	4.F1/F2
6.5 Khóa tạm thời góc ngang	5.Hold
7. Đo chi tiết	
8. Phím PRG chương trình Đo	
8.1 Tính điểm khuất hướng nằm trên đoạn thẳng (đi qua hai điểm) bằng cách đo tới điểm hỗ trợ nằm vuông góc với nó, chọn	1.2Pt RefLine
8.2 Tính điểm nằm trên một cung tròn (đi qua một điểm đã biết) bằng cách đo điểm gương hỗ trợ nằm vuông góc với nó, chọn	2.Arc RefLine
8.3 Đo gián tiếp xuyên tâm chọn	3.RDM (Radial)
8.4 Đo gián tiếp liên tục chọn	4.RDM (Cont.)
8.5 Đo chiều cao không với gương tới chọn	5.REM
8.6 Đo điểm nằm trên mặt phẳng đi qua hai điểm đã biết, chọn	6.V-Plane
8.7 Đo điểm nằm trên mặt phẳng dọc đi qua ba điểm đã biết, chọn	7.S-Plane
9. Phím S-O Tìm các điểm trên thực địa (cắm điểm, đưa thiết kế ra thực địa)	
9.1 Tìm điểm cách trạm máy một cự ly và góc kẹp đã biết, chọn	1.HA-HD
9.2 Tìm điểm khi biết tọa độ của nó, chọn	2.XYZ
9.3 Chia đều một đoạn thẳng tính từ trạm máy chọn	3.DivLine S-O
9.4 Đo tìm điểm nằm trên đoạn thẳng nhờ cự ly hỗ trợ tới một điểm gương đã biết chọn	4.RefLine S-O
10. Phím O/S đo các điểm khuất (không đặt gương tới)	
10.1 Tính điểm cách điểm đặt gương một cự ly xác định chọn	1.Tape
10.2 Tính điểm cách điểm đặt gương một góc bằng chọn	2.Angle
10.3 Tìm điểm khuất bằng sao hai gương chọn	3.2Prism Pole
10.4 Tính điểm giao của hai đoạn thẳng (góc mái nhà) chọn	4.+Line by HA
10.5 Tính điểm cách trạm máy một khoảng cách đo chọn	5.Input HD
10.6 Tính điểm góc (tường, vách) chọn	6.Corner
10.7 Tính điểm tâm của khối trụ chọn	7.Circle
10.8 Tính điểm nằm trên đoạn kéo dài của cạnh chéo chọn	8.Input dSD
11. Tính địa hình COGO	
11.1 Tính các điểm chọn	1.Inverse
11.1.1 Tính giữa hai điểm chọn	PT-PT
11.1.2 Tính góc kẹp giữa ba điểm chọn	2.3PT Angle
11.2 Tính và nhập tọa độ bằng tay chọn	2.Input
11.2.1 Tính tọa độ điểm bằng cách nhập góc phương vị và cạnh bằng từ một điểm góc chọn	1.AZ+HD
11.2.2 Tính tọa độ các điểm dự kiến truyền dẫn chọn	2.Traverse
11.2.3 Nhập tọa độ các điểm trực tiếp bằng tay chọn	3.Input XYZ
11.3 Tính chu vi và diện tích khu đo chọn	3.Area&Perim
11.4 Tính tọa độ điểm giả định chọn	4.Line&O/S
11.5 Tính tọa độ các điểm giao cắt chọn	5.Intersection
11.5.1 Tính điểm giao cắt dựa vào hai điểm và hai góc phương vị chọn	1.Brng-Brng
11.5.2 Tính điểm giao cắt của đoạn thẳng và cung tròn biết bán kính chọn	2.Brng-Dist
11.5.3 Tính điểm giao cắt của hai cung tròn biết bán kính chọn	3.Dist-Dist
11.5.4 Tính điểm giao cắt dựa vào đoạn thẳng và một điểm chọn	4.Pt-Line
12. Các thông báo xuất hiện khi vận hành, ý nghĩa và cách thao tác	
12.1 Khi thao tác đặt trạm máy	
12.1.1 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ:	STN Setup has to be in F1/F2
12.1.2 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ:	Same Coordinate
12.1.3 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ:	Calc ST Failed Need additional PT

12.1.4	Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ:	Space Low
12.1.5	Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ:	XY-coordinates required
12.1.6	Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ:	Z-coordinate is required
12.2	Khi tính địa hình	
12.2.1	Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ:	No Result
12.2.2	Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ:	Same Coordinate
12.2.3	Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ:	XY-coordinate is required
12.3	Khi xuất/ nhập dữ liệu với máy tính	
12.3.1	Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ:	Check Data
12.3.2	Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ:	DUPLICATE PT
12.3.3	Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ:	PT MAX20 chars
12.3.4	Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ:	XYZ OVER RANGE
12.4	Xem dữ liệu	
12.4.1	Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ:	Can't Edit Current ST
12.4.2	Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ:	Can't Edit ST/BS refer to this PT
12.4.3	Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ:	Can't Edit XYZ from measuremet
12.4.4	Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ:	DELETE Stn-XYZ
12.5	Quản lý công việc	
12.5.1	Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ:	Cannot Assign
12.5.2	Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ:	Can't Create
12.5.3	Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ:	Existing Job
12.5.4	Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ:	MAX 32Jobs
12.6	Đo theo chương trình khi ấn PRG	
12.6.1	Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ:	No Stn Setup
12.6.2	Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ:	XY&Z coordinate are required
12.7	Khi ghi dữ liệu vào bộ nhớ	
12.7.1	Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ:	DATA FULL
12.7.2	Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ:	DUPLICATE PT
12.7.3	Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ:	Duplicate PT
12.7.4	Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ:	No Open Job
12.7.5	Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ:	No Stn Setup
12.7.6	Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ:	OVER RANGE
12.8	Khi tìm bản ghi điểm	
12.8.1	Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ:	PT Not Found
12.9	Khi thao tác cài đặt	
12.9.1	Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ:	Job Settines will be changed
12.10	Khi tìm điểm ngoài thực địa	
12.10.1	Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ:	Input Error
12.10.2	Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ:	No Stn Setup
12.11	Báo lỗi hệ thống	
12.11	Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ:	= System Error =
13.	Truyền dữ liệu bằng phần mềm Transit	
13.1	Khởi động Transit- Trong Windowns, nháy kép vào biểu tượng Translt, menu chính hiển thị	
13.2	Menu chính Transit	
13.3	Các chức năng menu chính Transit	
13.4	Tải dữ liệu Transit	
	Thao tác trên máy tính	
	Thao tác trên máy toàn đạc	
13.5	Chuyển đổi dữ liệu Transit	

<i>Xuất dữ liệu-</i> Đề xuất dữ liệu định dạng Nikon sang phần mềm thứ ba	
<i>Nhập dữ liệu-</i> Đề nhập dữ liệu dạng phần mềm thứ ba sang dạng Nikon	
13.6 Nhập dữ liệu Transit tới máy toàn đạc	
<i>Thao tác trên máy tính</i>	
<i>Thao tác trên máy toàn đạc</i>	

SUJCOM

SUJCOM

1. Hướng dẫn sử dụng tài liệu

- Tài liệu này được biên soạn dựa theo bản tiếng Anh nhằm mục đích hướng dẫn nhanh cho người mới làm quen với máy toàn đạc laser NPL-352 Nikon.
- Từng phần trong tài liệu này được chỉ dẫn đọc lập để tra cứu nhanh khi sử dụng.
- Một số thuật ngữ và khái niệm dùng trong tin học và công nghệ thông tin.
- Các chữ trắng nền đen là hiển thị trên màn hình.

2. An toàn và bảo quản máy

2.1 An toàn khi sử dụng

- Máy toàn đạc laser seri NPL-302 là loại máy laser cấp 1, không cần có thêm biện pháp an toàn khi vận hành sử dụng máy, nhưng cấm dọi tia ngắm vào mặt hay mắt người, khi không sử dụng nên đậy nắp ống kính.
- Cắm nhìn qua ống kính trực tiếp vào mặt trời.
- Cắm dùng trong mỏ than, vùng có bụi than hoặc gần các chất bay hơi dễ cháy.
- Cấm tự ý thay đổi, sửa chữa các bộ phận máy khi không có chỉ dẫn chuyên ngành.
- Chỉ được phép dùng bộ nạp cấp kèm theo cho pin BC-65. Trong khi nạp phải để ở chỗ khô ráo, dễ quan sát và thoát hơi, thoát nhiệt tốt.
- Cấm để ngắn mạch các cực pin. Cấm chọc, đập hay đốt pin. Khi cất giữ pin phải xả hết và đậy nắp che đầu cực.
- Mũi chân máy, sào gương rất sắc nhọn dễ gây tai nạn, phải cẩn thận khi sử dụng.
- Kiểm tra tình trạng quai đeo, khóa, bản lề trước khi cất máy vào hòm.
- Kiểm tra tình trạng các ốc khóa chân máy trước khi lắp máy lên.
- Ren đế máy là 5/8", kiểm tra đầu ren ốc gắn máy.
- Cấm vác chân máy di chuyển trạm khi có máy đang lắp trên chân.
- Cấm dùng hòm máy làm vật kê chân hay ghế đứng, ngồi.
- Đọc cẩn thận hướng dẫn sử dụng bộ nạp.

2.2 Bảo quản máy

- Cấm để máy phơi trực tiếp dưới nắng hay trong xe cộ đóng kín.
- Sau khi dùng trong thời tiết độ ẩm cao hay mưa nhỏ, phải lau chùi kỹ, làm khô máy rồi mới cất vào hòm.
- Cất giữ bảo quản máy ở nơi khô ráo, thoáng khí có nhiệt độ không quá 30°C.
- Các phím bấm và núm khóa, núm vi động, ốc cân máy rất nhạy cảm, cấm thao tác mạnh và đột ngột.
- Bao giờ cũng đậy nắp che ống kính và để máy vào hòm đúng theo chỉ dẫn.
- Cấm dùng các chất tẩy rửa để lau chùi vệ sinh máy.
- Vệ sinh kính mắt, kính dọi tâm và ống kính bằng vải bông thấm cồn.
- Cấm để mở hòm máy dưới trời mưa hay nơi bụi bặm.
- Khi loại bỏ pin BC-65 phải làm đúng theo qui định vệ sinh môi trường.

3. Màn hình, bàn phím và chức năng các phím



Chức năng các phím cứng

-  PWR
bật đóng/ tắt nguồn
-  bật đóng/ tắt đèn chiếu sáng màn hình. Khi ấn giữ 1s bật ra cửa sổ danh mục đặt chế độ chiếu sáng màn hình và tín hiệu âm thanh
-  MENU
mở danh mục phần mềm điều khiển máy
-  MODE
bật chuyển chế độ sử dụng phím bấm nhập ký tự giữa chữ và số
-  STN ABC
7 mở danh mục thao tác đặt trạm máy
-  S-O DEF
8 mở danh mục thao tác đo (cắm điểm, đưa toạ độ thiết kế ra thực địa) tìm điểm ngoài thực địa
-  O/S GH
9 mở danh mục thao tác đo các điểm khuất
-  PRG XL
4 mở danh mục thao tác đo ứng dụng
-  DAT PQR
6 ấn giữ 1s mở danh mục quản lý số liệu trong bộ nhớ
-  USR STU 1  USR VWX 2
phím nóng được ngấm định chức năng do người sử dụng tự chọn, ấn giữ 1s bật ra cửa sổ chọn.
-  COD YZ
3 ấn giữ 1s mở danh mục mã đánh dấu điểm đo theo địa hình, địa vật
-  0
bật đóng/ tắt bọt thủy điện tử hiển thị trên màn hình, dùng phím mũi tên thay đổi chế độ bù cho các phương đứng/ngang.
-  HOT +/-
ấn giữ 1s mở danh mục thay đổi các điều kiện đo
-  REC/ENT
chấp nhận kết quả đo, hiển thị/ ghi dữ liệu vào bộ nhớ. Trong khi đo, nếu ấn giữ 1s bật ra cửa sổ chọn kiểu bản ghi kết quả đo vào bộ nhớ: dạng SS điểm ngắm đo, hay CP điểm được tính.
-  BS
di chuyển vị trí con trỏ trên màn hình theo phím tương ứng.
-  BS
ấn giữ 1s mở chức năng kiểm tra hướng chuẩn.
-  ANG
ấn giữ 1s mở danh mục thao tác đo chế độ kinh vĩ.
-  DSP
lật các trang màn hình hiển thị. Ấn giữ 1s mở danh sách chọn thông số hiển thị trên các trang màn hình.
-  MSR1  MSR2
thao tác đo điểm, chức năng đo thô, tinh do người sử dụng chọn, ấn giữ 1s bật ra cửa sổ chọn điều kiện đo.



- thoát màn hình hay chức năng đang thực hiện, bỏ kết quả đo không ghi vào bộ nhớ.
- Ngoài các phím này, dòng đáy màn hình còn hiển thị các phím mềm điều khiển (lệnh). Để sử dụng chức năng phím mềm, bấm vào phím cứng có vị trí tương ứng.

Trên màn hình còn hiển thị:

- Số trang/ tổng số của mục hiện thời
- Cửa sổ kết quả đo, soạn thảo
- Mức tín hiệu gương
- Mức nguồn pin
- Chế độ làm việc của bàn phím là nhập chữ hay số

4. Chuẩn bị máy để làm việc

4.1 Khởi động, kiểm tra, nạp pin

4.1.1 Khởi động, tắt máy

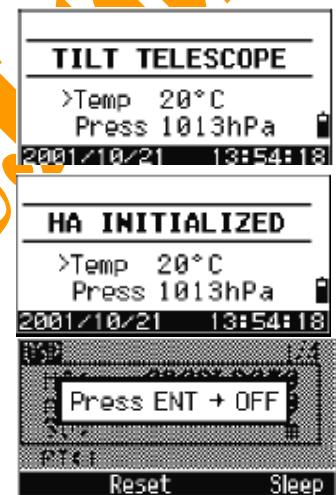
Ấn PWR bật máy, màn hình hiển thị câu nhắc nghiêng ống kính và thông báo trị số nhiệt độ và áp suất hiện thời, kèm theo ngày giờ ở dòng đáy

Lúc này nếu:

- Nghiêng ống kính qua mặt phẳng ngang sẽ xuất hiện màn hình đo chính
- Có thể thay đổi trị số nhiệt độ và áp suất, xem mục 4.3 Cài đặt các thông số và chế độ làm việc của máy.
- Quay thân máy hiển thị lại trị số góc ngang trước khi tắt máy, màn hình thông báo

Để tắt máy, ấn PWR, màn hình mờ đi, hiện cửa sổ xác nhận, ấn ENT máy sẽ tắt. Dòng đáy xuất hiện hai phím mềm:

- **Reset** nghĩa là khởi động lại máy
- **Sleep** nghĩa là đưa máy vào chế độ chờ. Khi quay ống kính hoặc thân máy, hoặc ấn một phím bất kỳ máy sẽ quay lại chế độ làm việc hiện thời.



4.1.2 Kiểm tra máy

Máy toàn đạc là một dụng cụ đo lường chính xác cao, nên trước khi đem ra sử dụng phải kiểm tra lại độ chính xác vận hành. Theo qui định hiện hành của Pháp lệnh đo lường, cứ 6 tháng phải đem máy đến cơ sở có chuyên môn để kiểm tra và hiệu chuẩn. Theo khuyến cáo của nhà sản xuất, để đảm bảo độ chính xác vận hành và tuổi thọ cứ 12 tháng phải đem máy đến cơ sở có chuyên môn để bảo dưỡng định kỳ.

Tuần tự thao tác kiểm tra như sau:

- Kiểm tra bọt thủy tròn và bọt thủy dài, nếu lệch dùng tăm chỉnh
- Kiểm tra kính dọi tâm, nếu lệch dùng chìa lục lăng chỉnh
- Kiểm tra đo góc theo cách đo hai mặt tới hai điểm, nếu sai lệch quá 5" gửi tới cơ sở có chuyên môn hiệu chỉnh.
- Kiểm tra đo khoảng cách bằng cách đo hai mặt với ba điểm trên một đường thẳng dài hơn 100m, nếu kết quả đo sau hai lần đặt trạm quá 3mm, gửi tới cơ sở có chuyên môn hiệu chỉnh. (Cách đo: trạm đầu (điểm 1), ghi khoảng cách HD_{1-3} ; trạm hai (điểm 2, nằm giữa 1-3) ghi khoảng cách HD_{2-1} , HD_{2-3} ; so sánh kết quả giữa HD_{1-3} với tổng $HD_{2-1} + HD_{2-3}$).

4.1.3 Nạp pin

Cắm phích bộ nạp vào ổ nguồn 220V, đèn báo nạp sáng, khi nạp đầy tắt.

Trường hợp đèn không sáng, hay đèn nhấp liên tục khi cắm nạp là có sự cố, rút phích cắm, gửi ngay tới cơ sở có chuyên môn khắc phục.

Xem thêm hướng dẫn sử dụng bộ nạp.

4.2 Chuẩn bị phụ kiện và dụng cụ làm việc ngoài hiện trường

Tùy theo yêu cầu công việc mà chuẩn bị các phụ kiện, dụng cụ sử dụng :

- Đo chi tiết, tối thiểu cần có: gương sào kèm bọt thủy tròn, thước dây 2m, địa bàn cầm tay nếu cần. Nếu tuyến đo dài, khi chuyển trạm cần có bộ để ngắm quang học với cụm gương tương ứng cự li đo, kèm bọt thủy.
- Đo kiểm tra, địa chính, lắp đặt và chế tạo cơ khí ngoài các dụng cụ trên, cần có thêm la bàn ống, nhiệt kế, áp kế cầm tay.
- Khi đo dài ngày ở nơi khó khăn, chuẩn bị thêm pin đã nạp đầy, máy tính điện tử hay sổ tay điện tử để trút dữ liệu.

Chú ý kết quả cao độ trong máy toàn đạc chỉ là dữ kiện tham khảo, không được phép dùng nó thay cho kết quả đo cao bằng thủy chuẩn.

4.3 Cài đặt các thông số và chế độ làm việc của máy


- Ấn PWR bật máy, khi màn hình đầu tiên xuất hiện, nếu chưa lắp ống kính vào màn hình đo chính, có thể nhập nhiệt độ và áp suất tại đây bằng cách dùng phím mũi tên

lên/ xuống đưa con trỏ ➤ tới mục thay đổi, ấn ENT, con trỏ trườn lên trường số liệu, gõ số nhập tương ứng.


- Máy có thể chọn ngôn ngữ hiển thị và chọn đặt vùng làm việc khác, ở đây nhà cung cấp đã chọn đặt sẵn tiếng Anh và vùng Quốc tế.

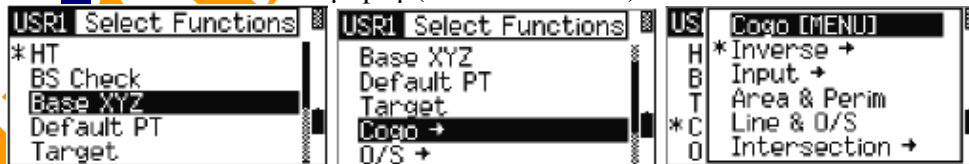
4.3.1 Cài đặt chế độ vận hành bằng các phím bấm giữ 1s

Thao tác chọn đặt bằng phím số tương ứng và các phím mũi tên di chuyển con trỏ theo mục, rồi ấn ENT xác nhận việc chọn.


-  mở cửa sổ đặt: đóng/ tắt đèn chiếu sáng màn hình (ấn 1), đóng/ tắt tín hiệu âm thanh (ấn 2) . Ngoài bốn mục này, ấn phím mũi tên phải/ trái mở thanh chỉnh độ tương phản màn hình, dùng phím mũi tên lên/ xuống thay đổi

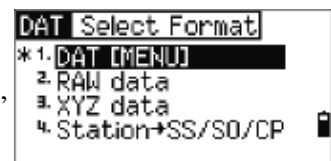


-  chọn ngấm định chức năng hay sử dụng: dấu hoa thị * cho biết đây là chức năng chọn, mũi tên ➡ cho biết có danh mục phụ (ấn ENT sẽ mở ra).




Chú ý có thể thực hiện việc này thông qua phần mềm điều khiển máy bằng cách ấn tuần tự MENU→6.1sec-keys→3.[USR]→1.USR1/ 2.USR2

-  chọn dạng bản ghi dữ liệu hiển thị khi xem: danh mục đủ/ góc, cạnh/ tọa độ/ bản ghi theo trạm máy

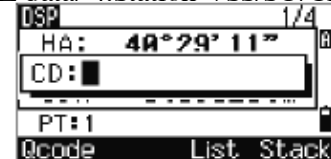


Chú ý có thể thực hiện việc này thông qua phần mềm điều khiển máy bằng cách ấn tuần tự

MENU→6.1sec-keys→5.[DAT]→1.DAT [MENU]/2.RAW data/3.XYZ data/ 4.Station→SS/SO/CP

-  bật cửa sổ nhập mã trực tiếp


Đáy màn hình hiện ba phím mềm: **Qcode** cho phép ngấm định 10 mã ứng với các phím số từ 0 tới 9, **List** mở danh mục mã, **Stack** mở danh




mục nhóm mã.

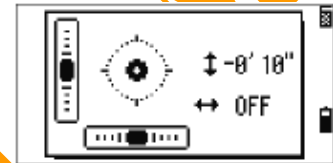
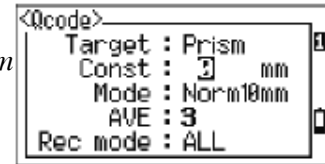
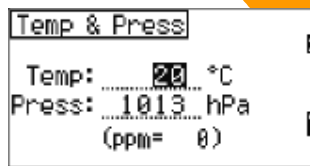
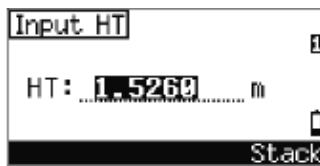
Khi ấn MSR1 chọn chức năng **Qcod**, máy màn hình có ba phím mềm:
 + **Edit** soạn thảo mã
 + **DSP** lật trang cửa sổ đo
 + **Sett** đặt các điều kiện đo ở đây: loại tiêu **Target**, hằng số gương **Const**,
 phản xạ đo **AVE**, cách ghi dữ liệu **Rec mode**.

Chú ý: khi đặt phím đo MSR1/MSR2 ở chế độ ALL nghĩa là một lần bấm đồng thời đo và ghi kết quả vào bộ nhớ, chỉ sử dụng khi đã thành thạo cách vận hành máy.

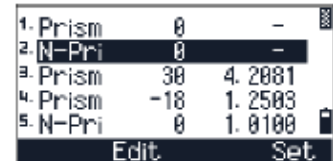
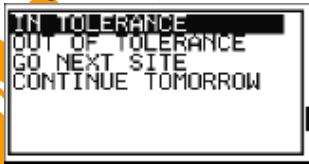
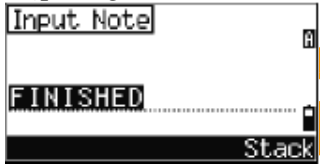
-  xuất hiện màn hiển thị bọt thủy điện tử
 Dùng các phím mũi tên lên/xuống di chuyển con trỏ tới mục cài đặt, phải/trái thay đổi chế độ đặt đóng/ tắt cảm ứng bù nghiêng trục.
Chú ý: riêng máy NPL-332 chỉ hiển thị bù trục đứng

-  mở danh mục thay đổi các điều kiện đo :

- + Nhập chiều cao gương **1.HT**
- + Nhập nhiệt độ-áp suất **2.Temp-Press**




- + Nhập hằng số và chiều cao gương tới 5 loại **3.Target**





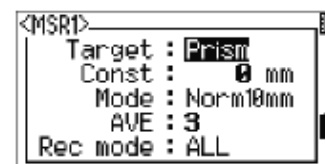
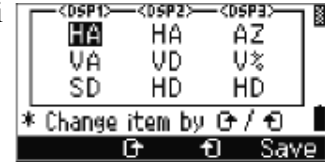
- + Nhập bản chú thích tới 50 ký tự **4.Note** (phím mềm **Stack** xem danh sách bản ghi chú đã nhập cũ)

- + Sửa hay đánh số hiệu điểm (tự động) **5.Default PT** (phím mềm **List** và **Stack** xem danh sách số đã nhập)

-  thay đổi các thông số hiển thị từng màn hình, dùng phím mũi tên di chuyển con trỏ, dùng phím mềm tua tiến hay lùi để chọn thông số, kết thúc ấn phím mềm **Save**

Chú ý có thể thực hiện việc này thông qua phần mềm điều khiển máy bằng cách ấn tuần tự MENU→6. 1sec-keys→2.[DSP]→thao tác chọn như trên.

-   chọn chế độ đo cho từng phím, ở đây: loại tiêu **Target**, hằng số gương **Const**, chế độ đo **Mode**, số lần phản xạ đo **AVE**, cách ghi dữ liệu **Rec mode**.



Chú ý có thể thực hiện việc này thông qua phần mềm điều khiển máy bằng cách ấn tuần tự MENU→6. 1sec-keys→1.[MSR]→1.MSR1/2.MSR2

Chú ý máy toàn đạc laser khi đặt ở chế độ đo không gương (N-Prism) nếu đo tới bề mặt phản xạ quá mạnh (thường gặp khi đo cự ly gần và tia ngắm vuông góc với bề mặt) có thể xuất hiện màn hình báo . Chuyển đặt lại phím đo sang chế độ đo gương (Prism).

4.3.2 Cài đặt bằng phần mềm điều khiển

Sau khi ấn PWR bật máy, ấn phím MENU, ấn phím 3 hay dùng phím di chuyển con trỏ và ENT chọn **3.Setting**, màn hình xuất hiện 9 mục cài đặt, dùng các phím số tương ứng để chọn hay di chuyển con trỏ đến mục cài đặt rồi ấn ENT. Màn hình xuất hiện các dòng mục cài đặt, dùng phím mũi tên lên/xuống chọn mục, tại từng mục dùng phím mũi tên phải/trái chọn tham số làm việc.

Chú ý: khi tham số làm việc thay đổi so với lần trước, xuất hiện câu hỏi xác nhận

1.Angle

- Điểm 0 bàn độ đứng **VA zero**: phương thiên đỉnh/ nằm ngang/ đối xứng **Zenith/ Horizon/ Compass**
- Góc hiển thị nhỏ nhất **Resolution**: 1"/ 5"/ 10" hay 0.2mgon/1mgon/2mgon
- Chỉnh góc bằng **HA corr**: đóng/ tắt **ON/ OFF**

Chú ý khi chọn đóng ON, các cảm biến bù nghiêng kết quả đo mới làm việc.

- Hướng hiển thị góc ngang **HA**: góc phương vị/ góc kẹp tính từ điểm hướng chuẩn **Azimuth/ 0 to BS**

2.Distance

- Thang đo **Scale**: hệ số chuyển đổi sang thang đo UTM, mặc định 1.000000 (có thể thay đổi từ 0.999600 tới 1.000400)
- Bù nhiệt độ và áp suất môi trường **T-P corr**: đóng/ tắt **ON/ OFF**
- Lấy cao độ theo mực nước biển **Sea Level**: đóng/ tắt **ON/ OFF**
- Bù độ cong và khúc xạ **C&R corr**: tắt/ 0,132/ 0,200 **OFF/ 0.132/ 0.200**

3.Coord.

- Trật tự hiển thị các trục tọa độ **Order**: **NEZ/ ENZ**
- Ký hiệu hiển thị các trục tọa độ **Label**: **XYZ/ YXZ/ NEZ (ENZ)**
- Hướng điểm 0 góc phương vị **AZ zero**: bắc/ nam **North/ South**

Chú ý các mục cài đặt này không được thay đổi trong cùng một việc.

4.PwrSave

- Tắt nguồn máy **Main Unit**: tắt bằng phím PWR/ tự tắt sau 5/10/30 phút khi không thao tác bàn phím. **OFF/ 5min/ 10min/ 30min**.
- Tắt nguồn khối đo xa **EDM Unit**: tắt bằng phím ESC/ tắt ngay sau khi ấn phím đo MSR/ tự tắt sau 0,1/0,5/3/10 phút không ấn phím đo MSR. **OFF/ 0.1min/ 0.5min/ 3min/ 10min**.

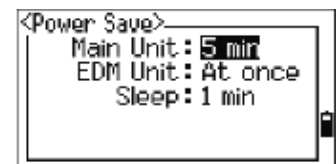
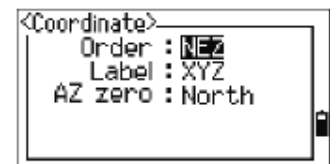
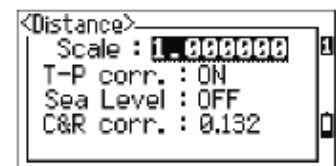
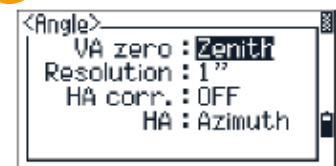
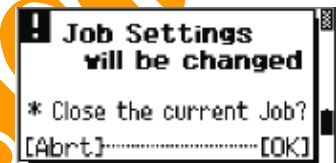
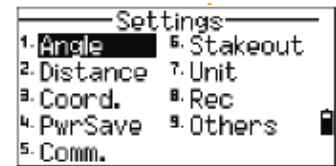
- Chuyển màn hình sang chế độ chờ để tiết kiệm nguồn **Sleep**: không chờ / chờ sau 1/3/5 phút không thao tác bàn phím. **OFF/ 1min/ 3min/ 5min**

5.Comm.

Đặt thủ tục thông tin giao diện với máy tính.

6.Stakeout

- Tự động thêm chuỗi số cho điểm đo đưa ra thực địa **Add PT**: tùy nhập trong phạm vi từ 1 tới 999.999



7. Unit

- Chọn đơn vị hiển thị góc **Angle**: độ/gon/Mil(Mil6400).

DEG/GON/MIL(MIL6400)

- Chọn đơn vị hiển thị khoảng cách **Distance**: mét/ feet Mỹ/ feet quốc tế.
Meter/ US-Ft/ I-Ft

Chú ý khi chọn đơn vị là feet, xuất hiện của sổ để chọn cách hiển thị số lẻ bằng dấu chấm hay inch: **Decimal-Ft/ Ft-Inch**

- Chọn đơn vị hiển thị nhiệt độ môi trường **Temp**: độ Cenxiut/ Kenvin
°C/ °K

- Chọn đơn vị hiển thị áp suất khí quyển **Press**: hecto Pascal/ milimét cột thủy ngân/ inch cột thủy ngân. **hPa/ mmHg/ inHg**

Chú ý các mục cài đặt này không được thay đổi trong cùng một việc.

8. Rec.

- Chọn cách ghi dữ liệu vào bộ nhớ **Store DB**: dữ liệu góc, cạnh/ tọa độ/ cả hai. **RAW/ XYZ/ RAW+XYZ**

- Chọn chỗ ghi dữ liệu **Data Rec**: bộ nhớ trong/ sổ tay điện tử.

Internal/ COM

9. Other.

- Tốc độ chuyển màn hình tọa độ **XYZ disp**: nhanh/ bình thường/ chậm/ ấn phím ENT. **Fast/ Norm/ Slow/ +ENT**

- Đơn vị đo khoảng cách thứ cấp **2nd Unit**: không đặt/ mét/ feet Mỹ/ feet quốc tế. **None/ Meter/ US-Ft/ I-Ft**

Chú ý khi chọn đơn vị là feet, hiện của sổ chọn cách hiển thị số lẻ bằng dấu chấm hay inch.

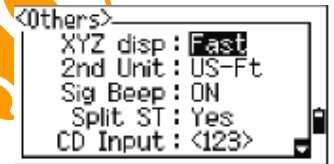
- Tín hiệu âm thanh **Sig Beep**: đóng/ tắt **ON/ OFF**

- Tách riêng cách đánh số tự động trạm máy **Split ST**: có/ không **Yes/ No**.

Chú ý khi chọn có **Yes**, xuất hiện của sổ để tùy nhập số khởi đầu **Start PT**

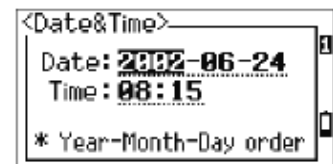
- Ký tự chờ nhập mã địa hình **CD Input**: chữ hoặc số **<ABC>/ <123>**

- Nhập tên chủ quản hiển thị khi mở máy **Owner's Detail**: tối đa 20 ký tự, ấn ENT nhớ vào máy.



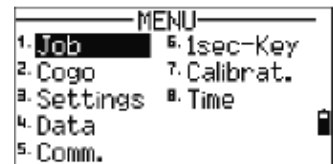
4.3.3 Đặt đồng hồ trong máy

Ấn PWR bật máy, ấn phím **MENU**, ấn phím 8 hay dùng phím di chuyển con trỏ và ENT chọn **8. Time**, màn hình xuất hiện thời gian hiện tại, dùng các phím mũi tên di chuyển con trỏ, nhập thời gian, ấn ENT.



4.4 Chuẩn bị công việc trên máy để thao tác ngoài hiện trường

Để tiết kiệm thời gian ngoài hiện trường, có một số bước có thể thao tác chuẩn bị trước thể thao tác nhập trực tiếp bằng tay, hay tải vào từ máy tính. Bật máy PWR, ấn MENU mở danh mục phần mềm điều khiển.



A. Chuẩn bị công việc: chọn quản lý công việc **1. Job**. Màn hình hiển thị tên các công việc có trong bộ nhớ, tối đa 32 tên việc và đầy có bốn phím mềm: nhập tên **Creat**, xóa tên **DEL**, tạo tên việc kiểm tra **Ctrl** và xem thông tin việc **Info**. Dùng phím mũi tên di chuyển con trỏ, phím cứng tương ứng với phím mềm để thao tác.



Chú ý:

- Dấu hoa thị ***** đứng trước cho biết đây là việc hiện thời

- Dấu chấm than **!** đứng trước cho biết tham số cài đặt nó khác với tham số hiện thời

- Dấu **@** đứng sau cho biết nó là việc dùng để kiểm tra (hay dùng trong một dự án)

- Dấu chấm hỏi ? ở ký tự đầu tiên cho biết nó được tạo bởi phần mềm điều khiển phiên bản cũ, tên này không thể mở mà chỉ có thể xóa.

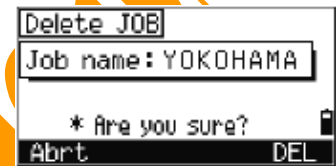
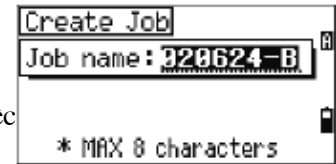
4.4.1 Tạo công việc chọn **Creat**

Hiện khung cửa sổ nhập tên không quá 8 ký tự (gồm chữ, số hoặc dấu gạch ngang).

Xuất hiện câu nhắc và ba phím mềm: bỏ qua **Abt**, đặt tham số công việc **Sett**, chấp nhận **OK**.

- Ấn phím ESC chọn **Abt** bỏ qua tên vừa nhập
- Ấn phím MSR2 chọn **Sett** vào ba màn hình đặt tham số đo, sử dụng các phím mũi tên thao tác, xem mục **4.3 Cài đặt các thông số và chế độ làm việc của máy**.

- Ấn ENT hay ANG ứng với **OK** xác nhận tên việc.



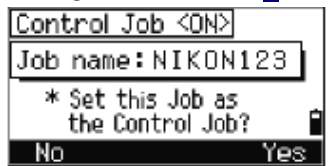
4.4.2 Xóa công việc chọn **DEL**

Chú ý: chọn chức năng này là xóa toàn bộ các bản ghi điểm trong công việc.

Hiện khung cửa sổ xóa tên kèm câu hỏi xác nhận và hai phím mềm: bỏ qua **Abt**, xóa **DEL**.

- Ấn phím ESC chọn **Abt** bỏ qua không xóa tên

- Ấn ENT hay ANG ứng với **DEL** xác nhận xóa việc, màn hình cửa sổ báo đang tiến hành xóa **Deleting Job-**, khi xóa xong nó quay về màn hình danh sách công việc.



4.4.3 Tạo việc kiểm tra chọn **Ctrl**

Hiện khung cửa sổ tên kèm câu hỏi xác nhận và hai phím mềm: không đặt **No**, đặt **Yes**.

- Ấn phím ESC chọn **No** không đặt

- Ấn phím DSP chọn **Yes** đặt việc ở chế độ kiểm tra. Nghĩa là các điểm trong công việc này khi ra hiện trường có thể truy nhập dùng cho các công việc khác vì máy tự động sao chép dữ liệu của nó sang việc hiện thời.

Chú ý: chỉ cho phép tồn tại 1 việc có chức năng kiểm tra, khi bộ nhớ đã có sẵn việc kiểm tra mang tên khác thì phải xóa nó đi.

4.4.4 Xem thông tin việc chọn **Info**

Hiện khung cửa sổ tên cùng các dòng tin tóm tắt: số lượng bản ghi **Records**, dung lượng trống **Free space**, ngày tạo ra công việc **Created**.



B. Làm xong bước A đưa con trỏ đến tên việc, rồi ấn ENT để lấy nó ra (xuất hiện dấu hoa thị * phía trước tên công việc). Nếu cần nhập điểm trực tiếp bằng tay vào việc hiện thời, có hai cách: chọn MENU→4.Data hay ấn phím DAT.

Hiện thị năm mục quản lý số liệu theo danh sách bản ghi, gồm:

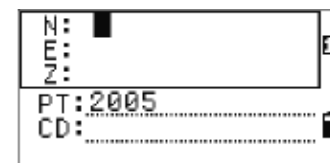
+ góc, cạnh **1.RAW data**;

+ tọa độ **2.XYZ data**;

+ đặt trạm **3.ST→SS/SO/CP**;

+ tên điểm **4.PT name List**

+ mã địa hình **5.Code List** (có phân lớp).



4.4.5 Nhập tọa độ điểm chọn **2.XYZ data**

Hiện màn hình kèm bốn phím mềm ở đáy: xóa **DEL**, sửa **Edit**, tìm

Srch và nhập **Input**. Ấn ANG ứng với **Input**, xuất hiện cửa sổ nhập , dùng các phím di chuyển con trỏ tuần tự nhập trị số tọa độ **XYZ**, tên **PT**, mã địa hình **CD**. Kết thúc ấn ENT, nếu nhập sai thì chọn ESC bỏ qua quay về nhập lại.

Khi điểm đã được ghi trong bộ nhớ, có thể xóa, sửa giá trị và tìm tự động bằng các phím mềm. Riêng chức năng tìm tự động có thể dùng ký tự hoa thị ***** để tăng tốc độ hoặc khi không nhớ chính xác tên điểm.

B.1 Ngoài ra các phím mềm chức năng khác có ý nghĩa như sau:

4.4.6 Xem bản ghi ấn ENT khi con trỏ trườn lên tên một bản ghi trong danh sách.

4.4.7 Sửa bản ghi ấn phím mềm **Edit** khi con trỏ trườn lên tên một bản ghi trong danh sách

4.4.8 Lật trang cửa sổ bản ghi ấn phím mềm **DSP**

4.4.9 Tìm bản ghi tự động ấn phím mềm **Srch** nhập tên và có thể dùng kèm dấu hoa thị *****

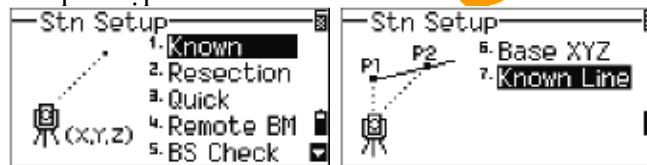
4.4.10 Xóa bản ghi ấn phím mềm **DEL**

4.4.11 Chèn bản ghi bằng phím mềm **Add**, tạo lớp bản ghi bằng phím mềm **Layer** trong danh sách tên điểm và mã địa hình

Chú ý: tùy theo thao tác đang thực hiện, màn hình sẽ có những câu nhắc, câu hỏi xác nhận để tránh nhầm lẫn.

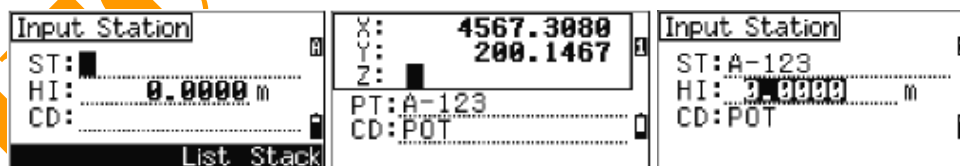
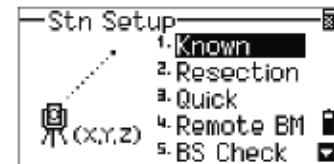
5. Thao tác đặt trạm, chuyển trạm máy

Sau các bước chuẩn bị công việc, cài đặt máy, bật máy PWR, ấn phím STN, hai trang màn hình hiển thị bảy danh mục. Dùng các phím số tương ứng hay phím mũi tên di chuyển con trỏ, ấn ENT vào thao tác đặt trạm theo cách phù hợp.

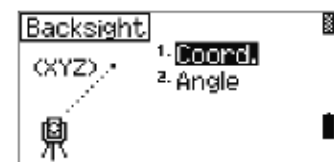


5.1 Đặt trạm trên điểm biết tọa độ hay góc phương vị 1. Known

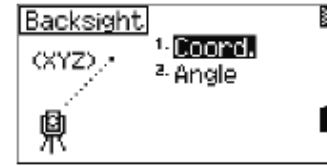
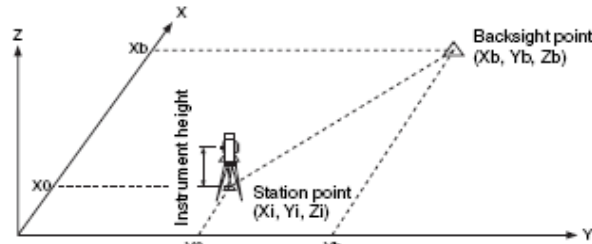
Cửa sổ nhập điểm trạm hiển thị, dùng phím mũi tên di chuyển con trỏ và phím ENT, tuần tự nhập tên điểm **ST**, chiều cao máy (đo bằng thước dây từ điểm đặt trạm máy trên nền tới dấu tâm máy) **HI**, mã địa hình **CD**, khi các tọa độ chưa có trong bộ nhớ nó hiện ra cửa sổ nhập.



Tiếp đó hiển thị cửa sổ nhập điểm hướng chuẩn BS, có hai cách chọn: điểm hướng chuẩn dùng tọa độ **1.Coord**, góc phương vị tới điểm hướng chuẩn đã biết **2.Angle**



5.1.1 Điểm hướng chuẩn dùng tọa độ 1.Coord

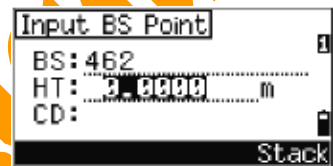


Nhập tên điểm hướng chuẩn **BS**, nếu điểm đã có trong bộ nhớ của sổ báo tọa độ của nó hiển thị, nếu chưa có xuất hiện của sổ nhập. Nhập chiều cao gương **HT**, ngắm vào gương đặt tại điểm đó, ấn ENT kết thúc việc đặt trạm



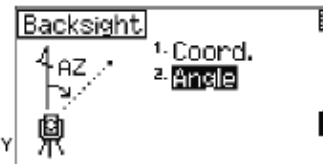
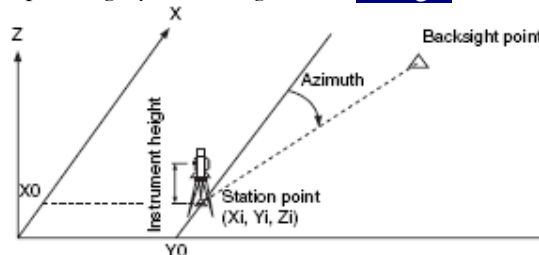
(có thông báo nhắc xuất hiện).

Nhấn MSR1/MSR2 là thực hiện đo để kiểm tra độ chính xác đặt trạm và bổ sung trị số góc, cạnh; dùng phím mềm F2 để đo hai mặt tới gương đặt ở điểm đó, màn hình báo sai lệch giữa kết quả tính và kết quả đo, nếu sai lệch nhỏ ấn ENT kết thúc đặt trạm (có thông báo nhắc xuất hiện **- REC STN -**).



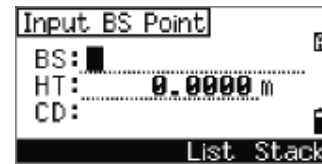
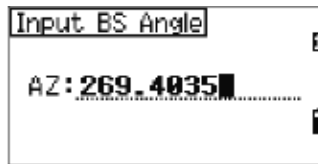
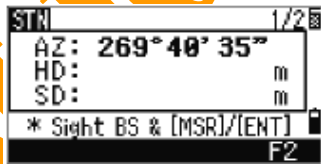
Nhấn dùng bộ để dọi tâm, có bọt thủy đặt gương ở điểm hướng chuẩn và thực hiện đo hai mặt để tăng độ chính xác đặt trạm.

5.1.2 Biết góc phương vị tới hướng chuẩn **2.Angle**

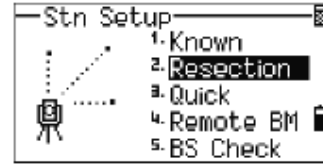
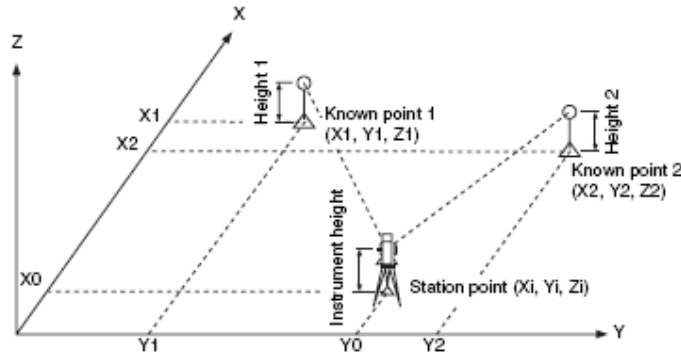


Nhập tên điểm hướng chuẩn **BS**, nhập chiều cao gương **HT**, nhập trị số góc phương vị **AZ**, ngắm vào gương đặt tại nó và ấn ENT kết thúc (thông báo nhắc xuất hiện **- REC STN -**). Nếu không nhập trị số, mặc định AZ nhận giá trị 0.

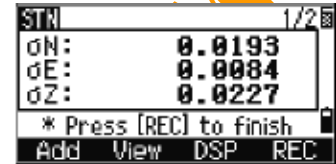
Nhấn MSR1/MSR2 thực hiện đo cho kết quả sai lệch giữa tính và đo.



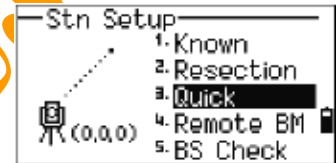
5.2 Đặt trạm bằng cách đo giao hội để tính tọa độ điểm trạm **2.Ressection**



Số điểm đo có tọa độ tối thiểu là 2, tối đa là 10. Dùng các phím di chuyển con trỏ và ENT, tuân tự nhập tên điểm **PT** đặt gương, cửa sổ báo tọa độ điểm xuất hiện, nhập chiều cao gương **HT**, ấn MSR1/MSR2 đo. Sau khi đo điểm thứ hai, đáy màn hình hiển thị bốn phím mềm : ngấm đo thêm điểm **Add**, xem kết quả đo giao hội **View** (trong màn hình này, dòng đáy xuất hiện phím mềm xóa kết quả **DEL**), lật trang cửa sổ kết quả đo **DSP**, ghi vào bộ nhớ **REC**. Khi lấy kết quả tính cho trị số sai lệch nhỏ, ấn ENT kết thúc tính tọa độ điểm đặt trạm.



Màn hình khai báo đặt trạm xuất hiện, nhập tên trạm **ST**, chiều cao máy **HI**, mã địa hình **CD**, nhập tên điểm hướng chuẩn **BS** (phím mềm **Change** cho phép thay đổi chọn điểm hướng chuẩn BS). Ấn ENT kết thúc việc đặt trạm (kèm thông báo **REC STN-**).



5.3 Đặt trạm (lưới) độc lập **3.Quick**

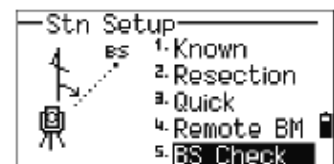
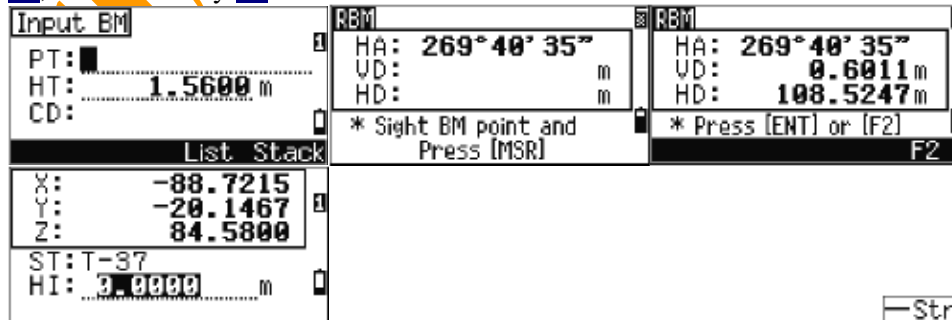
Màn hình đặt trạm hiển thị, dùng các phím di chuyển con trỏ và ENT để nhập: tên điểm trạm **ST**, chiều cao máy **HI**, điểm hướng chuẩn **BS** (bỏ trống hoặc chọn từ phím mềm danh sách **List**, nhóm điểm **Stack**), phương vị **AZ** tới điểm hướng chuẩn (mặc định là 0, nhưng có thể nhập). Rồi ngấm gương tại điểm hướng chuẩn, ấn ENT kết thúc (chú ý: tọa độ điểm đặt trạm mặc định là 0,0,0)



5.4 Xác định cao độ điểm đặt trạm dựa vào cao độ điểm không chết

4.Remote BM

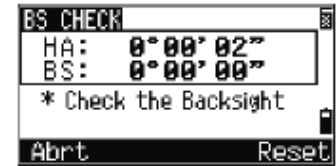
Khi cần biết cao độ điểm đặt trạm, chọn **4.Remote BM**, ấn ENT. Màn hình xuất hiện để nhập tên điểm biết cao độ không chết **PT** (dùng các phím mềm danh sách **List**, nhóm điểm **Stack** để chọn tên), chiều cao gương **HT**, mã địa vật **CD**. Rồi ấn MSR1/ MSR2 đo (ấn tiếp **F2** đo hai mặt tới đặt gương trên nó. Cửa sổ báo tọa độ điểm trạm xuất hiện, nhập tên điểm trạm **ST**, chiều cao máy **HI**. Ấn ENT kết thúc



5.5 Kiểm tra và đặt lại điểm hướng chuẩn **5.BS Check**

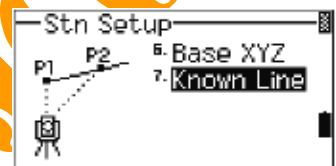
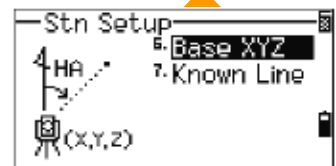
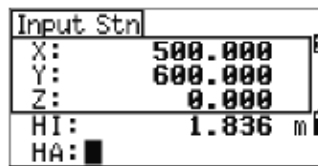
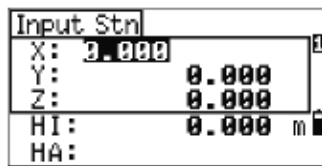
Trong khi quan trắc nếu có hiện tượng va chạm vào máy hay chân máy bị lún, xô dịch thì thực hiện thao tác này để cho kết quả đo chi tiết chính xác hơn.

Sau khi hoàn thành bước đặt trạm, ngắm gương đặt tại điểm hướng chuẩn, ấn **5.BS Check**. Màn hình xuất hiện cửa sổ báo trị số góc ngang **HA** hiện thời và góc ngang đã lưu khi thao tác đặt trạm **BS**, nếu sai lệch nhỏ ấn phím mềm **Abt** bỏ qua chọn giá trị lưu, nếu đặt lại theo trị số hiện thời ấn phím mềm **Reset**. Ấn ENT kết thúc. *Chú ý: ấn phím cứng chức năng BS (mũi tên bên trái) là vào thẳng màn hình này.*



5.6 Đặt trạm tạm thời trên điểm đã biết tọa độ **6.Base XYZ**

Chức năng này không lưu việc đặt trạm, dùng cho trắc địa công trình để kiểm tra trực tiếp sự tương quan các hạng mục. Màn hình hiển thị cửa sổ nhập tọa độ điểm đặt trạm **XYZ**, chiều cao máy **HI** và góc ngang **HA**, dùng các phím di chuyển con trỏ và ENT tuần tự nhập trị số, thao tác nhập điểm hướng chuẩn BS. Kết thúc ấn ENT quay về màn hình đo chính



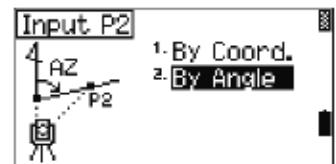
5.7 Đặt trạm bằng cách đo tới hai điểm nằm trên một đoạn thẳng

7.Know Line

Hiển thị màn hình nhập tên điểm **P1** (nếu chưa có tọa độ trong bộ nhớ, nó hiện cửa sổ nhập tọa độ, nhập trực tiếp bằng tay, có thể dùng phím mềm danh sách **List** hay nhóm điểm **Stack** để chọn), chiều cao gương **HT**, mã địa vật **CD**. Ngắm và ấn MSR/ MSR2 đo điểm P1 (có thể đo cả hai mặt bằng phím mềm **F2**), dưới cửa sổ kết quả đo có dòng nhắc, ấn ENT để nhập điểm P2. Có hai cách nhập điểm P2:



- Nhập bằng tọa độ chọn **1.By Coord**: cửa sổ nhập tọa độ điểm P2 xuất hiện, thao tác tương tự như nhập điểm P1 ở trên, rồi ấn ENT xuất hiện cửa sổ tính tọa độ điểm trạm.



- Nhập bằng góc phương vị đã biết từ P1 tới P2 chọn **2.By Angle**: nhập trị số góc phương vị **AZ**, ngắm và ấn MSR/ MSR2 đo điểm P2 (có thể đo cả hai mặt bằng phím mềm **F2**). Đo xong P2 xuất hiện cửa sổ tính tọa độ điểm trạm.

Trên màn hình tính tọa độ điểm trạm, dùng phím mềm **DSP** lật trang cửa sổ kết quả tính, rồi ấn phím mềm **REC** hay ENT để khai báo đặt trạm. Dùng các phím di chuyển con trỏ và ENT tuần tự nhập tên trạm **ST**, chiều cao máy **HI**, mã địa vật **CD** và tên điểm hướng chuẩn **BS** (mặc định là P1, thay sang P2 bằng phím mềm **Change**). Kết thúc ấn ENT.

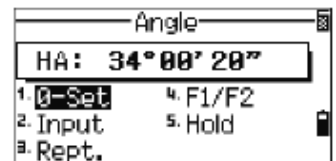
5.7 Chuyển trạm máy

Khi chuyển trạm, thực hiện thao tác đặt trạm như trên, lấy điểm hướng chuẩn BS là điểm trạm vừa rời đi, hệ tọa độ tự động được cập nhật khi đo chi tiết.

Trong mọi trường hợp, cố gắng dùng bộ đế dọi tâm có bọt thủy đặt tại trạm chuyển tới và đo hai mặt trong chế độ đo tính để giảm thiểu sai số do chuyển trạm.

6. Đo chế độ kinh vĩ

Sau khi ấn PWR bật máy, cài đặt máy và chuẩn bị công việc, ấn phím ANG thực hiện đo kinh vĩ. Màn hình hiển thị cửa sổ giá trị góc ngang hiện thời **HA** và mục thao tác chọn. Dùng phím số tương ứng hoặc di chuyển con trỏ và ENT để chọn mục thao tác



6.1 Đặt góc ngang về 0 chọn 1.0-Oset

- Ấn ENT, quay về màn hình đo chính.

6.2 Nhập giá trị góc ngang chọn 2.Input - Hiện thị cửa sổ, gõ nhập trị số góc ngang, ấn ENT, quay về màn hình đo chính. *Chú ý nhập trị số lẻ phân cách bằng dấu chấm.*

6.3 Đo lặp chọn 3.Rept. - Chọn hướng ngắm BS và hướng đo lặp FS, xuất hiện màn hình đo góc lặp và cửa sổ đo lặp góc ngang. Ngắm và ấn phím MSR1/MSR2 đo, xuất hiện trị số lần đo **N=**, góc ngang đo lặp trung bình **HRx** và tổng góc ngang đo cộng dồn **HR_Σ**, kết thúc ấn ENT. Xuất hiện cửa sổ báo trị số đo góc ngang lặp trung bình **HRx** và góc ngang thực HA. Nếu cần ghi vào bộ nhớ thì ấn tiếp ENT, tuần tự nhập các trường khai báo tên điểm PT, chiều cao gương HT, mã địa hình CD.

6.4 Đo hai mặt chọn 4.F1/F2 - Thao tác này khi cần thực hiện phép đo góc chính xác loại trừ sai số cơ học máy, đảo ống kính đo hai mặt, khi kết thúc ấn ENT, màn hình báo trị số góc đo trung bình.

6.5 Khóa tạm thời góc ngang 5.Hold - Thao tác này sử dụng khi cần giữ một trị số góc ngang mang tới một hướng ngắm bất kỳ. Đáy màn hình có hai phím mềm: bỏ qua ấn **Abri** (hoặc ESC), đặt ấn **Sett** (hay ENT) để có thể nhập vào trị số góc ngang tùy ý.

7. Đo chi tiết

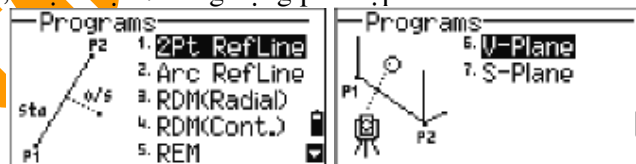
Sau khi thực hiện xong việc đặt trạm (hay chuyển trạm), màn hình đo chính xuất hiện. Di chuyển gương tới điểm đo, ngắm bắt tâm gương, ấn phím đo MSR1/MSR2, hiển thị kết quả đo. Tuần tự nhập tên điểm **PT** (tên điểm mặc định tự động đánh số tăng thêm 1), chiều cao gương **HT** (mặc định trị số nhập cũ), mã địa hình **CD** (mặc định tên mã nhập cũ). Khi muốn thay đổi các thông tin này, dùng phím mũi tên di chuyển con trỏ và ENT để nhập. Kết thúc ấn phím ENT để ghi vào bộ nhớ.

*Chú ý: khi đã cài đặt máy với các tham số đồng bộ và phím đo MSR1/MSR2 ở chế độ **All**, thì sau khi ấn phím đo, kết quả đo tự động ghi vào bộ nhớ.*

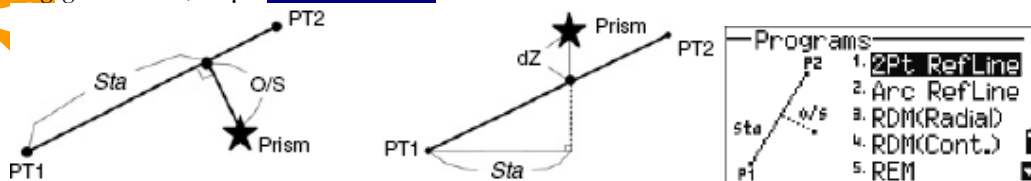
! Dưới đây là các phép đo ứng dụng (hỗ trợ bởi phần mềm tính), được phân bổ và lấy ra sử dụng bằng ba phím cứng có tên PRG (chương trình đo), S-O (tìm điểm trên thực địa) và O/S (tìm điểm khuất). Mỗi phím cứng bao hàm một danh mục các thao tác đo và tính ứng dụng khác nhau.

8. Phím PRG chương trình Đo

Sau khi đã ấn PWR khởi động máy, thao tác đặt trạm (chuyển trạm) xong, ấn phím PRG xuất hiện hai trang màn hình với bảy mục đo ứng dụng. Dùng các phím số tương ứng hay các phím mũi tên di chuyển con trỏ và ENT, chọn mục đo ứng dụng phù hợp.



8.1 Tính điểm khuất hướng nằm trên đoạn thẳng (đi qua hai điểm) bằng cách đo tới điểm hỗ trợ nằm vuông góc với nó, chọn 1.2Pt RefLine



Chức năng này cho kết quả tính điểm nằm trên đoạn thẳng và tạo thành góc vuông với điểm đặt gương. Tuần tự nhập tên điểm **P1**, **P2**. Nếu điểm chưa có trong bộ nhớ, ấn phím mềm đo **MsPT**, hoặc chọn từ danh sách điểm bằng phím mềm **List**, từ nhóm điểm bằng phím mềm **Stack**. Nhập chiều cao gương bằng phím mềm **HT**.

Màn hình hiển thị kết quả tính điểm cần tìm sau khi đo: **Sta** khoảng cách tính từ điểm P1, **O/S** khoảng cách tính từ nó tới điểm đặt gương và **dZ** chênh cao giữa điểm P1 và điểm đặt gương. Ấn DSP lật trang hiển thị các thông số.

Input Line P1
 P1: 300
 P2:
 MsrPT List Stack

HA: 147°29'11"
 VA: 90°27'48"
 SD:
 HT: 1.5600 m
 * Sight PT & Press [MSR]
 HT

Ấn ESC, thoát chức năng không lưu điểm này; ấn ENT hiển thị cửa sổ nhập tên điểm **PT**, chiều cao gương **HT**, mã địa hình **CD** để lưu vào bộ nhớ.

REF 1/4
 Sta: -0.2146 m
 O/S: 3.5021 m
 dZ: 0.0207 m
 * Press [ENT] to record

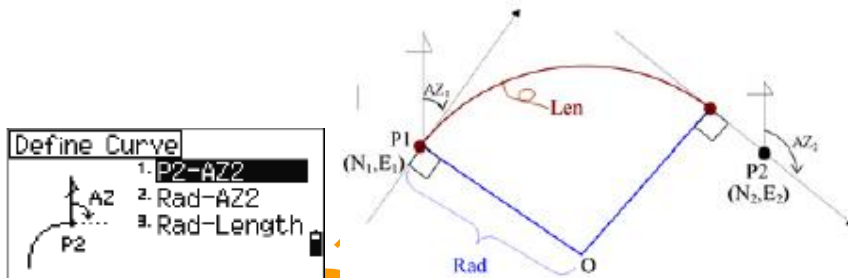
8.2 Tính điểm nằm trên một cung tròn (đi qua một điểm đã biết) bằng cách đo điểm gương hỗ trợ nằm vuông góc với nó, chọn **2.Arc RefLine**. Chức năng này cho kết quả tính điểm nằm trên một cung tròn đi qua điểm đã biết và vuông góc với điểm gương đo hỗ trợ. Nhập tên điểm chứa cung tròn **P1**, và góc phương vị tiếp tuyến của nó **AZ1**. Nếu điểm chưa có trong bộ nhớ, ấn phím mềm đo **MsrPT**, hoặc chọn từ danh sách điểm bằng phím mềm **List**, từ nhóm điểm bằng phím mềm **Stack**.

Start of Curve
 P1:
 AZ1:
 MsrPT List Stack

Record PT
 PT: A102
 HT: 1.7026 m
 CD: HUB
 List Stack

Programs
 1. 2Pt RefLine
 2. Arc RefLine
 3. RDM(Radial)
 4. RDM(Cont.)
 5. REM

Màn hình xuất hiện ba cách xác định vị trí cung tròn, dùng phím số hay phím mũi tên di chuyển con trỏ và ENT để chọn: cung đi qua điểm chứa đã biết góc phương vị tiếp tuyến **1.P2-AZ2**; bán kính cung và góc phương vị tiếp tuyến đã biết **2.Rad-AZ2**; bán kính cung và chiều dài dây cung đã biết **3.Rad-Length**.



Define Curve
 1. P2-AZ2
 2. Rad-AZ2
 3. Rad-Length
 P2

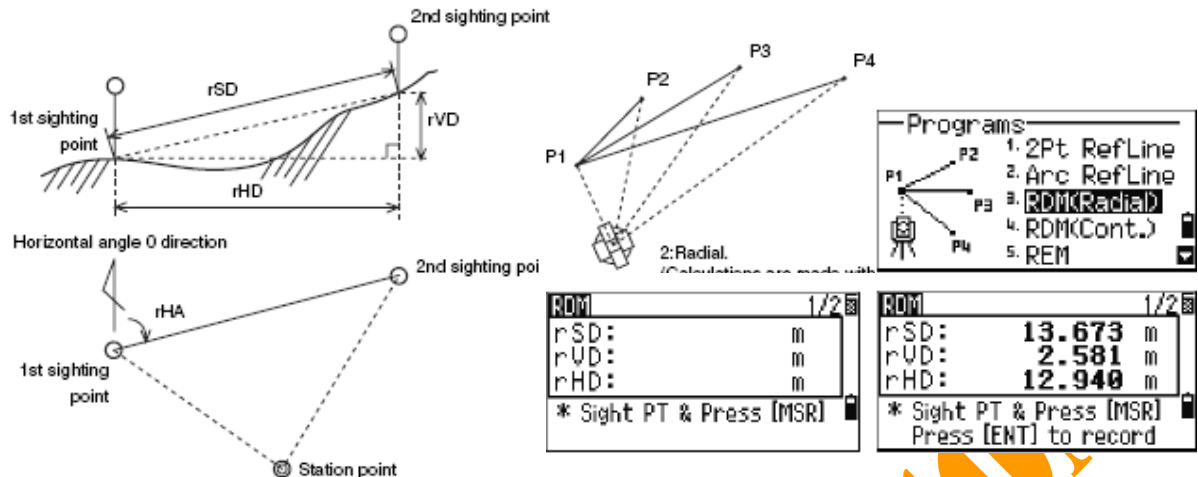
ARC 1/4
 Sta: -0.2146 m
 O/S: 3.5021 m
 dZ: 0.0207 m
 * Press [ENT] to record

Màn hình hiển thị kết quả tính điểm cần tìm sau khi đã nhập đủ các tham số: **Sta** khoảng cách tính từ điểm P1, **O/S** khoảng cách tính từ nó tới điểm đặt gương và **dZ** chênh cao giữa điểm P1 và điểm đặt gương. Ấn DSP lật trang hiển thị các thông số. Ấn ESC, thoát khỏi chức năng không lưu điểm tính này; ấn

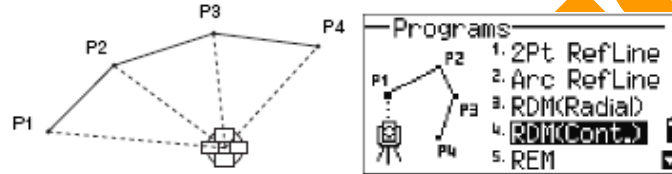
ENT hiển thị cửa sổ nhập tên điểm **PT**, chiều cao gương **HT**, mã địa hình **CD** để lưu vào bộ nhớ.

8.3 Đo gián tiếp xuyên tâm chọn **3.RDM (Radial)**

Chức năng này cho kết quả tính thông số tương quan giữa hai điểm đo, có một điểm chọn cố định, ấn MSR1/MSR2 đo, lật trang cửa sổ ấn DSP, ghi vào bộ nhớ ấn ENT.

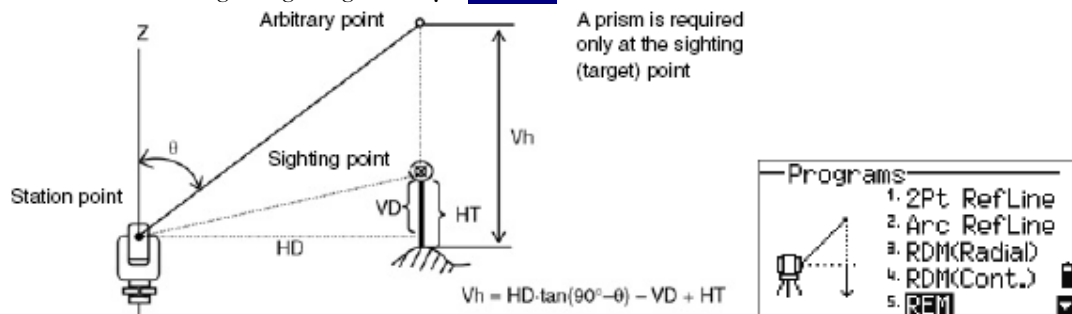


8.4 Đo gián tiếp liên tục chọn **4.RDM (Cont.)**

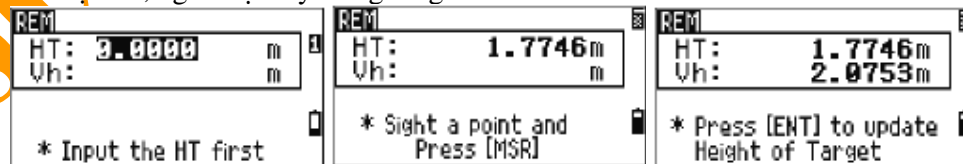


Chức năng này cho kết quả tính thông số tương quan trực tiếp giữa hai điểm đo liên tiếp, ấn MSR1/MSR2 đo, lật trang cửa sổ ấn DSP, ghi vào bộ nhớ ấn ENT.

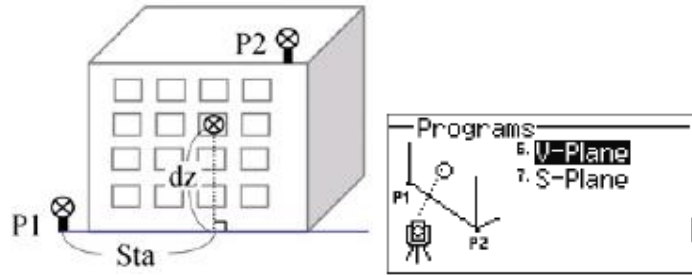
8.5 Đo chiều cao không với gương tới chọn **5.REM**



Chức năng này cho kết quả tính chiều cao từ điểm đặt gương thẳng lên phía đỉnh mà gương không với tới. Hiện cửa sổ nhập chiều cao gương **HT**, ngắm gương ấn phím MSR1/MSR2 đo, nhả khóa bàn độ đúng, hướng ống kính bắt vào điểm cần đo thẳng đứng với điểm đặt gương, cửa sổ tính hiện ra chiều cao tính từ đáy sào gương tới điểm ngắm **Vh**, nếu muốn ghi vào bộ nhớ, ngắm lại đáy sào gương và ấn ENT.



8.6 Đo điểm nằm trên mặt phẳng đi qua hai điểm đã biết, chọn **6.V-Plane**



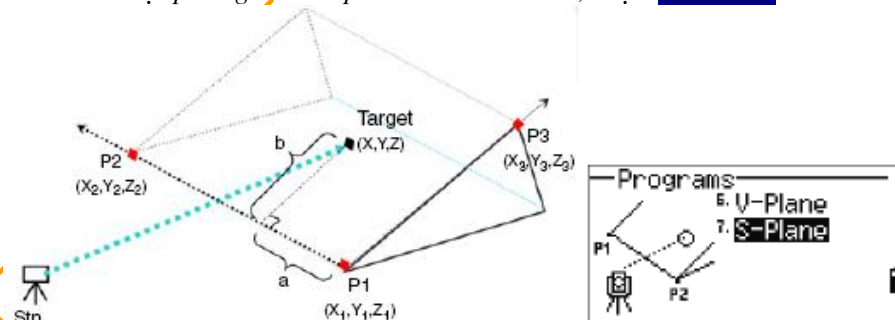
Chức năng này cho kết quả tính điểm nằm trên một mặt phẳng đứng chứa hai điểm đã biết. Tuân tự nhập tên điểm **P1**, **P2**. Nếu điểm chưa có trong bộ nhớ, ấn phím mềm đo **MsrPT**, hoặc chọn từ danh sách điểm bằng phím mềm **List**, từ nhóm điểm bằng phím mềm **Stack**. Nhập chiều cao gương bằng phím mềm **HT**.

Màn hình hiển thị kết quả tính điểm cần tìm sau khi ngắm đo tới gương: **Sta** khoảng cách tính từ điểm P1, **dZ** chênh cao giữa điểm P1 và điểm đặt gương. Ấn DSP tuân tự lật các trang màn hình hiển thị các thông số.

Ấn ESC, thoát khỏi chức năng không lưu điểm tính này; ấn ENT hiển thị cửa sổ nhập tên điểm **PT**, chiều cao gương **HT**, mã địa hình **CD** để lưu vào bộ nhớ.

Input Plane P1 P1: P2: MsrPT List Stack	HA: 147°29'11" VA: 90°27'48" SD: HT: 1.5555 m * Sight PT & Press [MSR] HT	N: 567.3080 E: -121.1467 Z: 0.5800 PT: 56 CD: CURE List Stack
Input Plane P2 P1: 56 P2: MsrPT List Stack	V-PLN 1/3 Sta: 55.2618m dZ: -3.0477m * Sta: Distance from P1 along the P1-P2 Line	

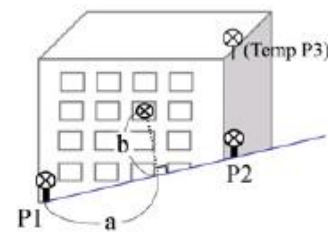
8.7 Đo điểm nằm trên mặt phẳng dọc đi qua ba điểm đã biết, chọn **7.S-Plane**



Chức năng này cho kết quả tính điểm nằm trên một mặt phẳng dọc chứa ba điểm đã biết. Tuân tự nhập tên điểm **P1**, **P2**, **P3**. Nếu điểm chưa có trong bộ nhớ, ấn phím mềm đo **MsrPT**, hoặc chọn từ danh sách điểm bằng phím mềm **List**, từ nhóm điểm bằng phím mềm **Stack**.

Có thể nhập điểm tạm dùng (không ghi vào bộ nhớ) bằng cách ấn ENT khi con trỏ đang ở trường nhập tên điểm.

Nếu dùng phím mềm **2Pt** thì màn hình báo kết quả tính điểm nằm trên mặt phẳng đi qua hai điểm đó: **a** là khoảng cách tính từ điểm P1 tới điểm cần tính hạ vuông góc trên đoạn P1-P2, **b** là chiều cao đoạn hạ vuông góc từ điểm cần tính tới đoạn thẳng P1-P2



Nhập chiều cao gương bằng phím mềm **HT**.

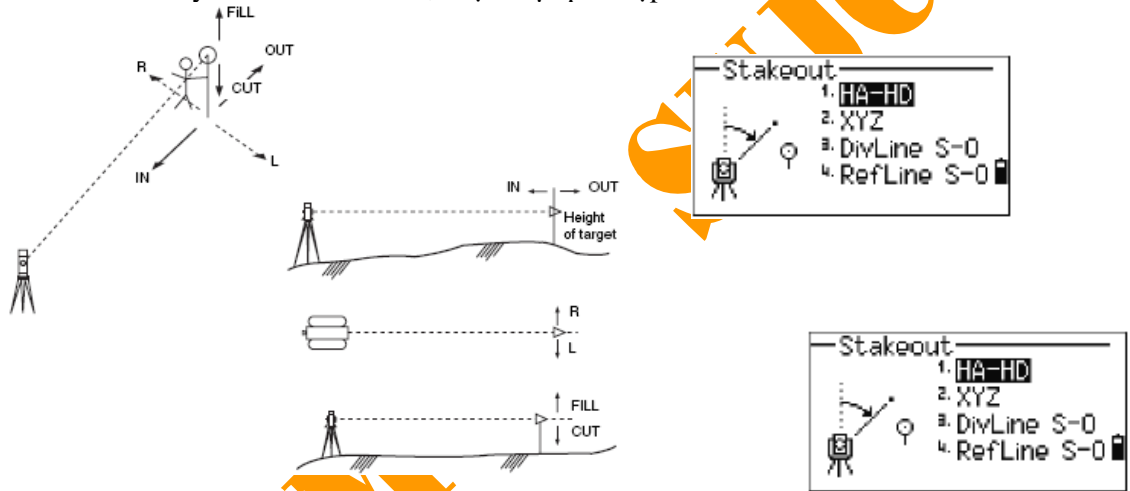
Ấn DSP tuân tự lật các trang màn hình hiển thị các thông số.

Ấn ESC, thoát khỏi chức năng không lưu điểm tính này; ấn ENT hiển thị cửa sổ nhập tên điểm **P1**, mã địa hình **CD** để lưu vào bộ nhớ.

Input Plane P1 P1: <input type="text"/> P2: <input type="text"/> P3: <input type="text"/> MsrPT List Stack S-PLN 1/3 a: -0.2146m b: 3.5021m * a: Distance from P1 b: O/S from P1-P2 Line	N: 200.3080 E: -100.5520 Z: 69.520 * This PT will not be recorded HA: 48°00'17" VA: 92°50'22" SD: 45.6208m PT: 77 CD: <input type="text"/> List Stack	Input Plane P3 P1: 503 P2: <Keyed-in XYZ> P3: <input type="text"/> MsrPT 2Pt List Stack
--	--	--

9. Phím S-O Tìm các điểm trên thực địa (cắm điểm, đưa thiết kế ra thực địa)

Sau khi đã ấn PWR khởi động máy, mở công việc, thao tác đặt trạm (chuyển trạm) xong, ấn S-O xuất hiện màn hình với bốn danh mục đo tìm điểm ứng dụng. Dùng các phím số tương ứng hay các phím mũi tên di chuyển con trỏ và ENT, chọn mục phù hợp.



9.1 Tìm điểm cách trạm máy một cự ly và góc kẹp đã biết, chọn **1.HA-HD**

Xuất hiện màn hình nhập khoảng cách **HD**, chênh cao **dVD** và góc kẹp **HA**. Xoay thân máy cho tới khi góc bằng HA về 0, khoá bàn độ ngang, đóng hướng và di chuyển gương, tuần tự ấn MSR1/MSR2 đo cho tới khi các kết quả tính về 0.

Nhớ ấn phím HOT nhập chiều cao gương **HT**, nhiệt độ và áp suất **T-P**. Dùng phím DSP lật các trang hiển thị. Kết thúc ấn ENT ghi kết quả vào bộ nhớ.

Chú ý tên điểm này được tự động gán thêm chuỗi ký tự đằng trước mà đã được nhập sẵn, xem mục 4.3.2 Cài đặt bằng phần mềm điều khiển.

Input Angle & Dist HD: <input type="text"/> m dVD: <input type="text"/> m HA: <input type="text"/> X: 102.0155 Y: 184.1729 Z: 70.4480 PT: 102 CD: <input type="text"/> List Stack	S-O dHA+ 205°35'41" HD: 87.5412m * Sight the target and Press [MSR]	S-O 1/7 dHA+ 0°00'00" R + 0.0846m OUT↑ 1.0057m CUT↓ 0.0615m * Press [ENT] to record
---	---	---

9.2 Tìm điểm khi biết tọa độ của nó, chọn 2.XYZ

Hiện màn hình nhập tên điểm **PT**, cự ly tính từ trạm máy **Rad** và mã địa hình **CD**. Kèm theo ba phím mềm: **Fr/To** để lập danh sách điểm cần tìm, **List** để chọn điểm từ danh sách và **Stack** để chọn điểm từ một nhóm điểm (nếu lấy điểm từ công việc kiểm tra màn hình có thêm phím mềm **Ctrl**).

Sau khi nhập đủ dữ kiện, màn hình tính hiện ra chỉ hướng quay góc ngang tới điểm cần tìm **dHA** và cự ly tới điểm cần tìm **HD**. Xoay thân máy cho tới khi góc bằng **dHA** về 0, khóa bàn độ ngang, đóng hướng và di chuyển gương, tuần tự ấn **MSR1/MSR2** đo cho tới khi các kết quả tính về 0.

Nhớ ấn phím **HOT** nhập chiều cao gương **HT**, nhiệt độ và áp suất **T-P**. Dùng phím **DSP** lật các trang hiển thị. Kết thúc ấn **ENT** ghi kết quả vào bộ nhớ.

Chú ý tên điểm này được tự động gán thêm chuỗi ký tự đằng trước mà đã được nhập sẵn, xem mục 4.3.2 Cài đặt bằng phần mềm điều khiển.

Input Point

PT: A100*

Rad: m

CD:

Fr/To List Stack

N: 567.3080

E: -121.1467

Z: 0.5800

PT: A100-1002

CD: CURE

List Stack

PT: A100-2

dHA: 0°00'00"

HD: 87.5412m

* Sight the target and Press [MSR]

PT: A100-2 1/7

dHA: 0°00'26"

R: 0.055 m

IN: 0.920 m

FIL: 0.036 m

* Press [ENT] to record

Input Point Range

Fr: A100

To: A200

List Stack

UP, A100, FENCE

UP, A101

UP, A100-1, MANHOLE

UP, A100-2,

UP, A100-4,

UP, A100-6, CODECODE

[Ctrl]

9.3 Chia đều một đoạn thẳng tính từ trạm máy chọn 3.DivLine S-O

Ngắm đo tới gương đặt ở điểm cuối đoạn thẳng cần chia đều, màn hình hiển thị chiều dài cạnh chia. Nhập số khoảng chia đều **Span total**, màn hình tính cự ly để di chuyển gương tới điểm chia. Ngắm đo cho tới khi các trị số tính báo về 0, ấn **ENT** ghi tên điểm vào bộ nhớ, khai báo tên điểm **PT**, mã địa hình **CD**. Chú ý tên điểm này được tự động gán thêm chuỗi ký tự đằng trước mà đã được nhập sẵn, xem mục 4.3.2 Cài đặt bằng phần mềm điều khiển.

Nếu ấn **ESC** là thoát khỏi màn hình này. Ấn phím mũi tên lên/xuống là để đo tìm tiếp các điểm được chia trên đoạn cơ sở. Ấn **DSP** để lật các trang hiển thị tham số đo/tính.

LineS-0

HA: 209°35'46"

HD: m

* Sight END-Pt and [MSR]

X: 102.0155

Y: 184.1729

Z: 70.4480

PT: 102

CD: CURE

List Stack

LineS-0

HA: 209°35'46"

HD: 148.2600m

Span total:

LineS-0 <1/4>

HD: 10.0650m

L: 0.1564m

In: 0.3408m

* [↓] = Go to next nail

[↑] = Back to prev nail

Stakeout

1. HA-HD

2. XYZ

3. DivLine S-0

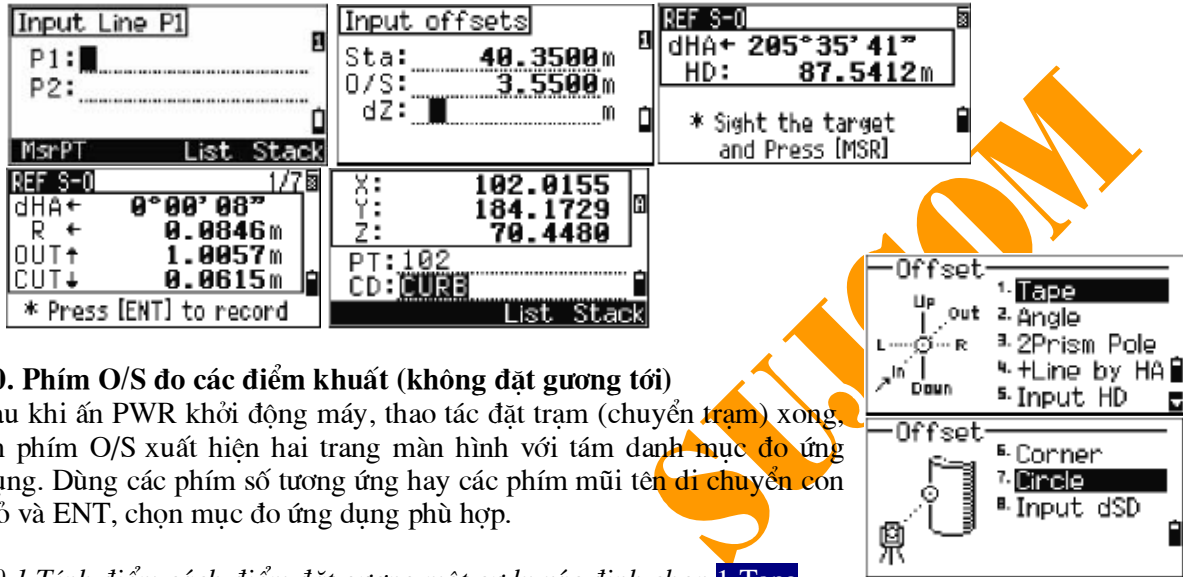
4. RefLine S-0

9.4 Đo tìm điểm nằm trên đoạn thẳng nhờ cự ly hỗ trợ tới một điểm gương đã biết chọn 4.RefLine S-O

Tuần tự nhập hai điểm **P1**, **P2** của đoạn thẳng tham chiếu, nếu điểm chưa có trong bộ nhớ, ấn phím mềm đo **MSrPT** hay ấn **ENT** để nhập bằng tay, có thể chọn điểm từ danh sách bằng phím mềm **List** hay nhóm điểm bằng phím mềm **Stack**. Sau đó hiển thị cửa sổ tuần tự nhập: cự ly tới điểm tính từ trạm máy **Sta**, cự ly cách điểm đặt gương hỗ trợ **O/S** (kèm dấu cộng khi nó nằm bên phải hay dấu trừ khi nó nằm bên trái đoạn **P1-P2**) và chênh cao so với đoạn tham chiếu **dZ**.

Màn hình kết quả tính hiển thị góc ngang **dHA**, quay thân máy cho tới khi dHA bằng 0, khóa bàn độ ngang. Di chuyển gương đúng hướng và ngắm đo, tiếp tục di chuyển gương cho tới khi kết quả ngắm đo đạt các trị số tính bằng 0.

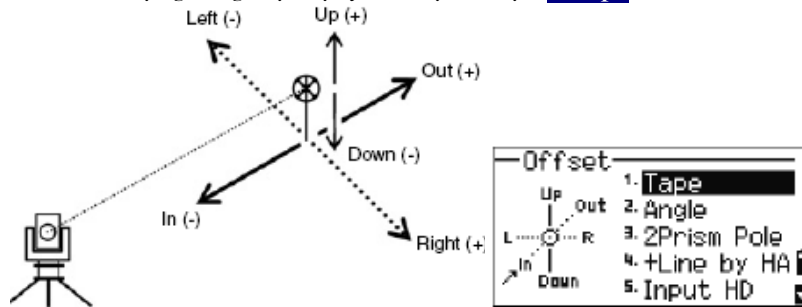
Nếu ấn ESC là thoát khỏi màn hình này. Ấn DSP để lật các trang hiển thị tham số đo/tính. Ấn ENT ghi tên điểm vào bộ nhớ, khai báo tên điểm **PT**, mã địa hình **CD**. Chú ý điểm này được tự động gán thêm chuỗi ký tự đằng trước mà đã được nhập sẵn, xem mục 4.3.2 Cài đặt bằng phần mềm điều khiển.



10. Phím O/S đo các điểm khuất (không đặt gương tới)

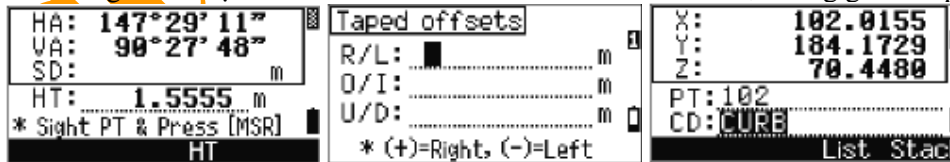
Sau khi ấn PWR khởi động máy, thao tác đặt trạm (chuyển trạm) xong, ấn phím O/S xuất hiện hai trang màn hình với tám danh mục đo ứng dụng. Dùng các phím số tương ứng hay các phím mũi tên di chuyển con trỏ và ENT, chọn mục đo ứng dụng phù hợp.

10.1 Tính điểm cách điểm đặt gương một cự ly xác định chọn 1. Tape



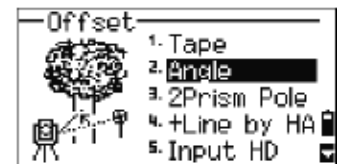
Thực hiện ngắm đo tới điểm đặt gương, nếu chưa đo sẽ cho màn hình ngắm đo điểm tạm thời, xuất hiện màn hình nhập tay các cự ly của điểm cần tìm cách điểm đo hiện thời, tuân tự nhập sang phải (dấu cộng)/trái (dấu trừ) **R/L**, đi ra (dấu cộng)/đi vào (dấu trừ) **O/I**, lên (dấu cộng)/xuống (dấu trừ) **U/D**.

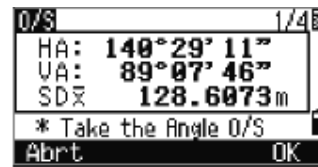
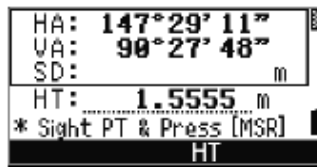
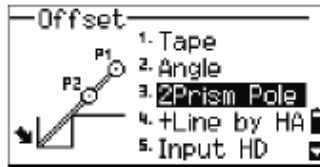
Ấn ENT xuất hiện màn hình tính tọa độ điểm cần tìm **XYZ**, tuân tự nhập tên **PT**, mã địa hình **CD** và ấn ENT ghi vào bộ nhớ. Nếu ấn ESC thoát khỏi màn hình tính, không ghi kết quả vào bộ nhớ.



10.2 Tính điểm cách điểm đặt gương một góc bằng chọn 2.Angle

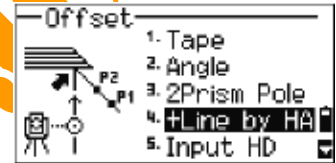
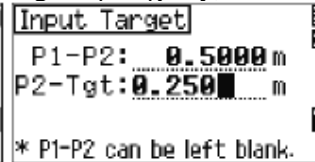
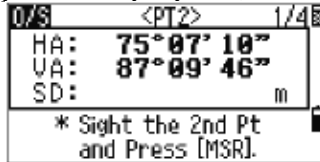
Thực hiện ngắm đo tới điểm đặt gương, nếu chưa đo sẽ cho màn hình ngắm đo điểm tạm thời. Quay thân máy ngắm điểm cần tìm và ấn MSR1/MSR2, hiển thị kết quả, tuân tự nhập chiều cao gương **HT**, tên điểm **PT**, mã địa hình **CD** và ấn ENT hay phím mềm **OK** ghi vào bộ nhớ. Nếu ấn ESC hay phím mềm **Abt** là bỏ qua kết quả hiện thời.





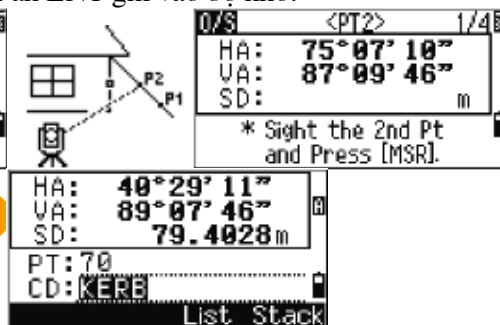
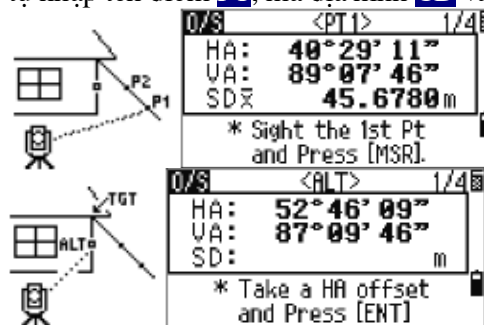
10.3 Tìm điểm khuất bằng sao hai gương chọn **3.2Prism Pole**

Tuần tự ngắm đo tới hai điểm gương trên sao hai gương, nhập cự ly gương tới gương P1-P2, gương tới điểm cần tìm P2-Tgt, xuất hiện kết quả tính, ấn ENT ghi vào bộ nhớ điểm cần tìm. Nếu bỏ trống cự ly P1-P2 xuất hiện kết quả tính từ phép đo (để so với giá trị nhập tay).

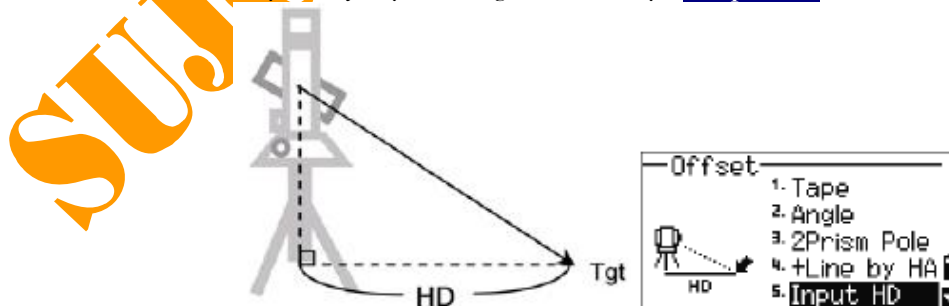


10.4 Tính điểm giao của hai đoạn thẳng (góc mái nhà) chọn **4.+Line by HA**

Tuần tự ngắm đo tới hai điểm gương trên sao hai gương, rồi điểm gương nằm bên dưới điểm cần tìm, di chuyển ống kính ngắm vào điểm cần tìm ấn ENT xuất hiện kết quả tính điểm cần tìm. Tuần tự nhập tên điểm **PT**, mã địa hình **CD** và ấn ENT ghi vào bộ nhớ.



10.5 Tính điểm cách trạm máy một khoảng cách đo chọn **5.Input HD**

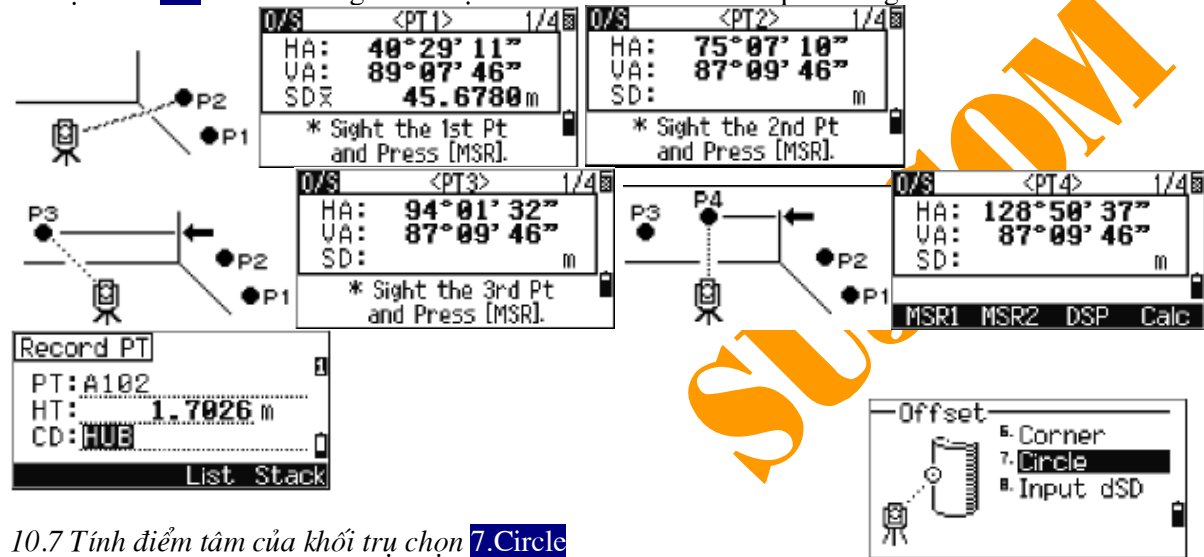


Chức năng này đo tính cho điểm lân cận trạm máy, những chỗ không gian chật hẹp. Nhập khoảng cách **HD** từ điểm trạm tới điểm đo, ngắm vào nó, ấn ENT. Tuần tự nhập tên điểm **PT** chiều cao gương **HT** (bằng 0), mã địa hình **CD** và ấn ENT kết thúc.



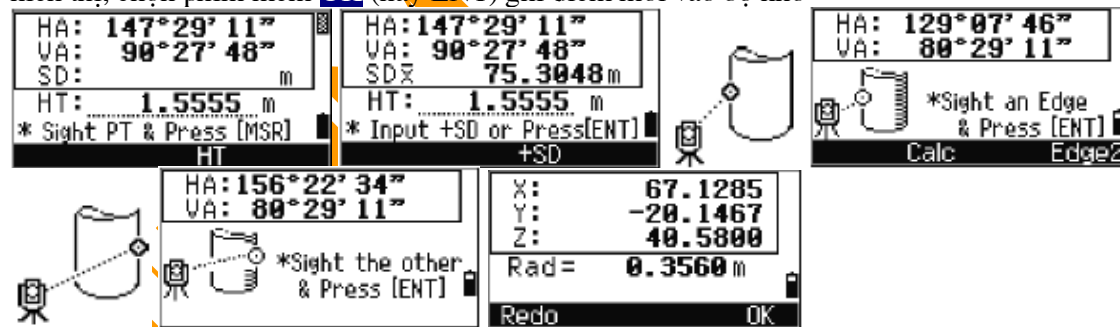
10.6 Tính điểm góc (tường, vách) chọn **6.Corner**

Thực hiện đo tới các điểm gương đặt trên tường (tối thiểu 3 điểm), ấn phím mềm **Calc** hiển thị kết quả tính, cao độ Z lấy ứng với điểm đo cuối cùng, tuân tự nhập tên điểm **PT**, chiều cao gương **HT**, mã địa hình **CD** rồi ấn ENT ghi vào bộ nhớ. Nếu ấn ESC thì bỏ qua không nhớ.



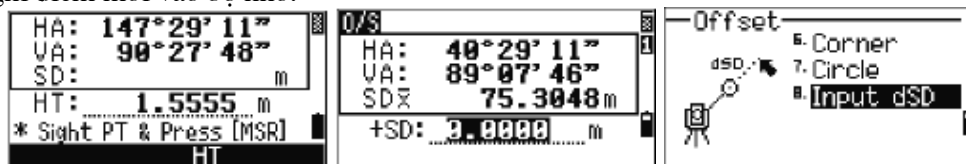
10.7 Tính điểm tâm của khối trụ chọn **7.Circle**

Thực hiện đo tới rìa khối trụ, để bù vị trí đặt gương chọn phím mềm **+SD**, đo cả rìa đối diện chọn phím mềm **Edge2**, tính điểm tâm chọn phím mềm **Calc**. Màn hình cho kết quả tọa độ tâm và bán kính khối trụ **Rad=**, chọn phím mềm **Redo** (hay ESC) để bỏ qua kết quả hiển thị, chọn phím mềm **OK** (hay ENT) ghi điểm mới vào bộ nhớ

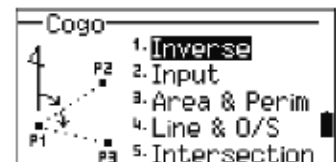


10.8 Tính điểm nằm trên đoạn kéo dài của cạnh chéo chọn **8.Input dSD**

Sau khi đo xong tới gương, nhập trị số đoạn kéo dài cạnh chéo **+SD**, kèm theo chiều cao gương **HT**, ấn ENT ghi điểm mới vào bộ nhớ.



11. Tính địa hình COGO



Việc này có thể thực hiện ngay trong khi khảo sát với các điểm đã có tọa độ được đo hay được nhập trực tiếp. Chọn ấn PWR→MENU→2.Cogo mở danh mục tính địa hình

11.1 Tính các điểm chọn 1.Inverse

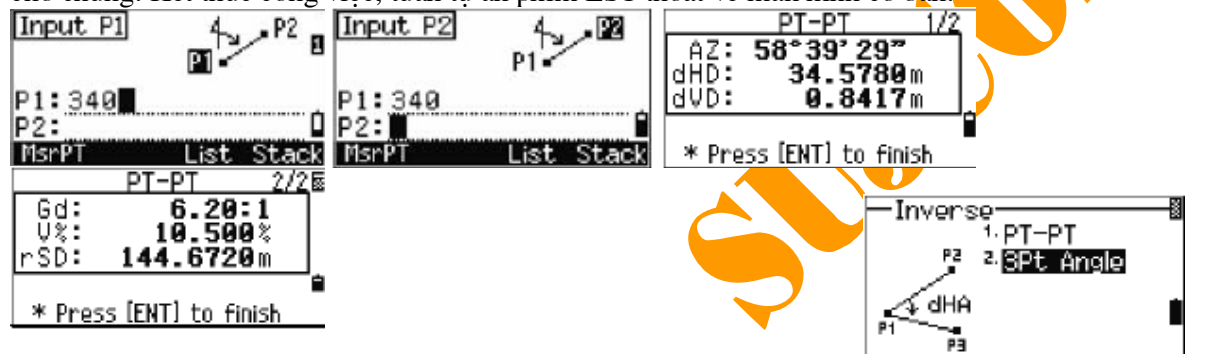
Ấn ENT, chọn một trong hai mục tính ứng dụng sau:

11.1.1 Tính giữa hai điểm chọn PT-PT

Ấn ENT, hiện ra cửa sổ nhập điểm, dòng đáy có ba phím mềm **MsPT** cho phép thực hiện đo để lấy tọa độ, **List** mở danh sách điểm, **Stack** mở danh sách nhóm điểm.

Khi con trỏ ở trường PT1, PT2 tuần tự gõ vào số hiệu điểm rồi ấn ENT kết thúc, màn hình kết quả tính hiện ra, dùng phím DSP để lật các trang màn hình kết quả tính.

Trường hợp khi con trỏ ở trường PT1, PT2 mà ấn phím ENT ngay, bật ra cửa sổ nhập tọa độ cho điểm cần tính toán và các điểm này không lưu vào bộ nhớ, nếu muốn lưu thì phải khai báo tên mới cho chúng. Kết thúc công việc, tuần tự ấn phím ESC thoát về màn hình cơ bản.

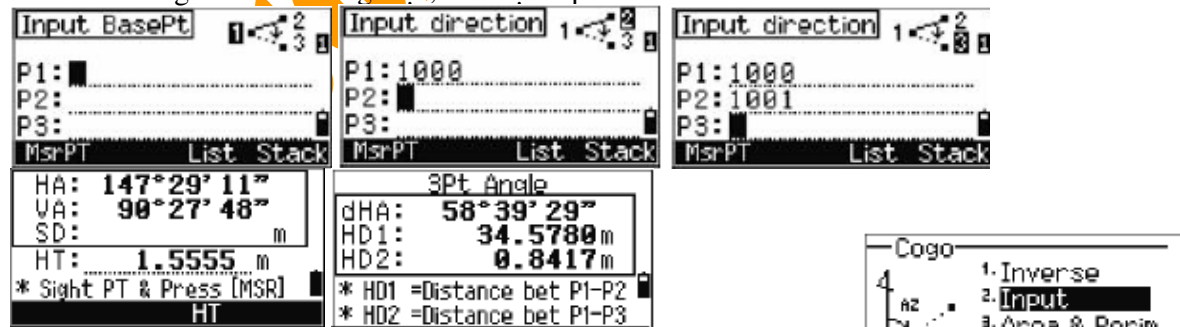


11.1.2 Tính góc kẹp giữa ba điểm chọn 2.3PT Angle

Ấn ENT, hiện ra cửa sổ nhập điểm, dòng đáy có ba phím mềm: **MsPT** cho phép thực hiện đo để lấy tọa độ, **List** mở danh sách điểm, **Stack** mở danh sách nhóm điểm.

Khi con trỏ ở trường **PT1**, **PT2**, **PT3** tuần tự gõ vào số hiệu điểm rồi ấn ENT kết thúc, màn hình kết quả tính hiện ra, dùng phím DSP để lật các trang màn hình kết quả tính. Chú ý điểm ở trường PT1 là điểm gốc, góc kẹp nằm giữa hai đoạn PT1-PT2 và PT1-PT3.

Trường hợp khi con trỏ ở trường **PT1**, **PT2**, **PT3** mà ấn phím ENT ngay, bật ra cửa sổ nhập tọa độ cho điểm cần tính toán và các điểm này không lưu vào bộ nhớ, nếu muốn lưu thì phải khai báo tên mới cho chúng. Kết thúc công việc, tuần tự ấn phím ESC thoát về màn hình cơ bản.

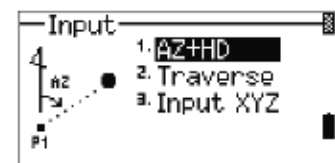


11.2 Tính và nhập tọa độ bằng tay chọn 2.Input

Ấn ENT, ba mục tính ứng dụng mở ra, chọn một trong ba cách tính sau:

11.2.1 Tính tọa độ điểm bằng cách nhập góc phương vị và cạnh bằng từ một điểm gốc chọn 1.AZ+HD

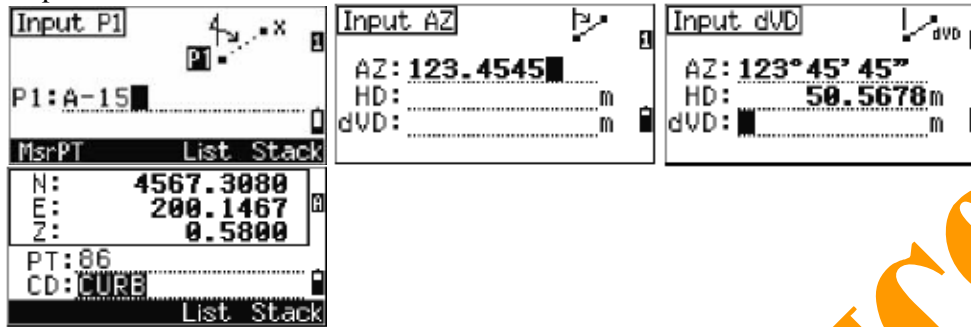
Ấn ENT, hiện ra cửa sổ nhập điểm, dòng đáy có ba phím mềm **MsPT** cho phép thực hiện đo để lấy tọa độ, **List** mở danh sách điểm,



Stack mở danh sách nhóm điểm.

Khi con trỏ ở trường **PT1**, gõ vào số hiệu điểm gốc, rồi tuân tự nhập giá trị góc phương vị **AZ**, cạnh bằng **HD**, chênh cao **dVD** tới điểm cần tính, rồi ấn ENT kết thúc, màn hình kết quả tính tọa độ điểm mới hiện ra. Muốn lưu điểm này vào bộ nhớ phải khai báo tên mới cho nó.

Trường hợp khi con trỏ ở trường **PT1** mà ấn phím ENT ngay, bật ra cửa sổ nhập tọa độ điểm gốc và điểm này không lưu vào bộ nhớ, nếu muốn lưu thì phải khai báo tên mới. Kết thúc công việc, tuân tự ấn phím ESC thoát về màn hình cơ bản.

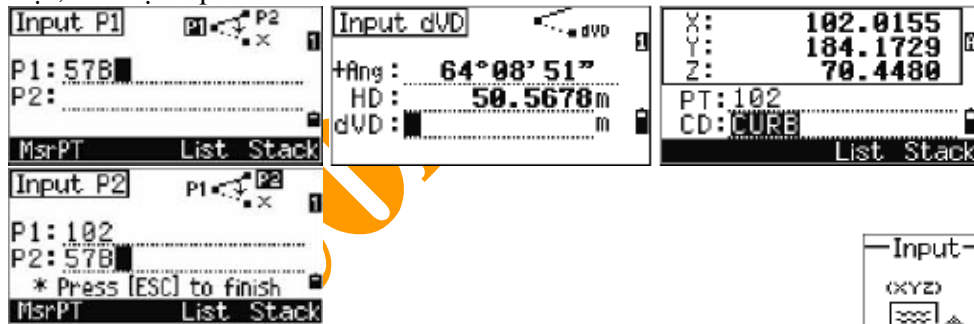


11.2.2 Tính tọa độ các điểm dự kiến truyền dẫn chọn **2.Traverse**

Ấn ENT, hiện ra cửa sổ nhập điểm, dòng đầu có ba phím mềm: **MsrPT** cho phép thực hiện đo để lấy tọa độ, **List** mở danh sách điểm, **Stack** mở danh sách nhóm điểm.

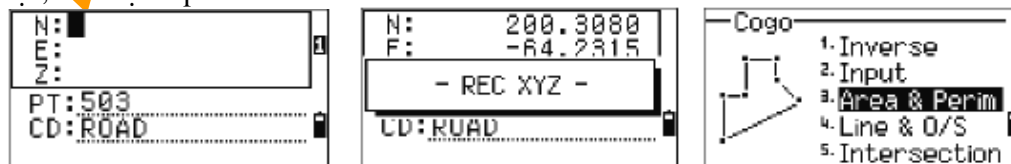
Khi con trỏ ở trường **PT1**, **PT2** gõ vào số hiệu điểm dẫn xuất, rồi tuân tự nhập giá trị góc bằng **+Ang**, cạnh bằng **HD**, chênh cao **dVD** tới điểm cần tính, rồi ấn ENT kết thúc, màn hình kết quả tính tọa độ điểm mới hiện ra. Muốn lưu điểm này vào bộ nhớ phải khai báo tên mới cho nó.

Trường hợp khi con trỏ ở trường **PT1**, **PT2** mà ấn phím ENT ngay, bật ra cửa sổ nhập tọa độ điểm dẫn xuất và điểm này không lưu vào bộ nhớ, nếu muốn lưu thì phải khai báo tên mới. Kết thúc công việc, tuân tự ấn phím ESC thoát về màn hình cơ bản.



11.2.3 Nhập tọa độ các điểm trực tiếp bằng tay chọn **3.Input XYZ**

Ấn ENT, hiện ra cửa sổ nhập tọa độ, dùng các phím mũi tên di chuyển con trỏ, tuân tự gõ vào các tọa độ, rồi ấn ENT kết thúc. Muốn lưu điểm vào bộ nhớ, phải khai báo tên cho nó. Kết thúc công việc, tuân tự ấn phím ESC thoát về màn hình cơ bản.



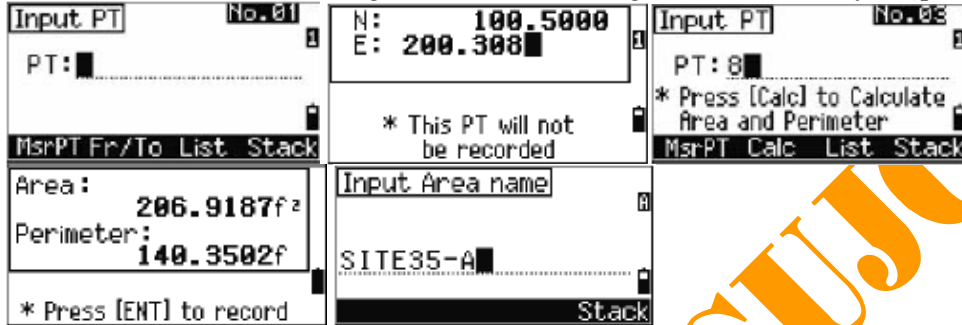
11.3 Tính chu vi và diện tích khu đo chọn **3.Area&Perim**

Ấn ENT, hiện ra cửa sổ nhập điểm, dòng đáy có bốn phím mềm **MsrPT** cho phép thực hiện đo để lấy tọa độ, **Fr/To** nhập chuỗi điểm biên khu đo, **List** mở danh sách điểm, **Stack** mở danh sách nhóm điểm.

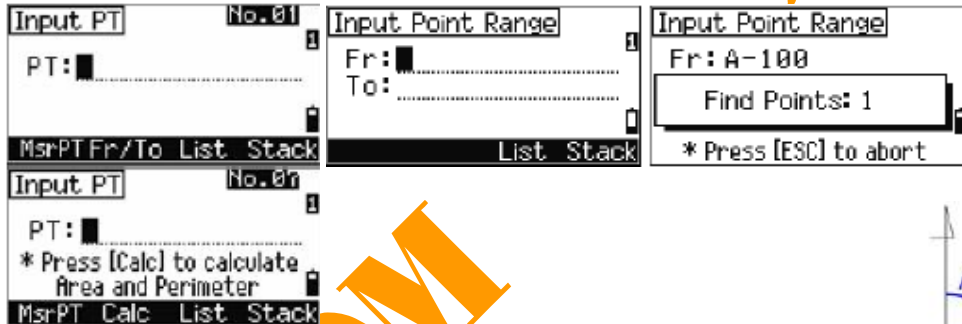
Trường hợp khi con trỏ ở trường PT mà ấn phím ENT ngay, bật ra cửa sổ nhập tọa độ điểm giả định và điểm này không lưu vào bộ nhớ, nếu muốn lưu thì phải khai báo tên mới. Nhập tối thiểu 3 điểm không nằm trên một đường thẳng, tối đa 99 điểm.

Điểm cuối cùng khép kín khu đo là điểm xuất phát, màn hình chờ tính kết quả hiện ra với các phím mềm dưới đáy là: **MsrPT** cho phép thực hiện đo để lấy tọa độ, **Calc** thực hiện tính, **List** mở danh sách điểm, **Stack** mở danh sách nhóm điểm.

Ấn phím MSR ứng với phím mềm **Calc**, hiện ra cửa sổ báo kết quả tính chu vi và diện tích. Ấn ENT ghi kết quả tính vào dạng bản ghi chú thích CO trong bộ nhớ với tên tùy nhập.



Khi tính các điểm đã có trong bộ nhớ theo chuỗi đánh số tự động, ấn phím mềm **Fr/To** rồi thao tác như trên:



11.4 Tính tọa độ điểm giả định chọn 4.Line&O/S

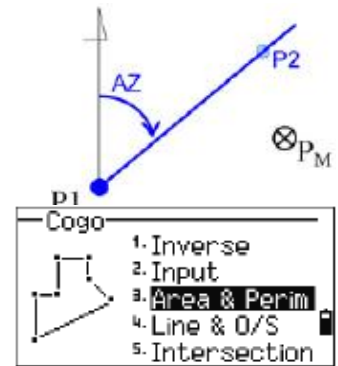
Ấn ENT, hiện ra cửa sổ nhập điểm, dòng đáy có ba phím mềm **MsrPT** cho phép thực hiện đo để lấy tọa độ, **List** mở danh sách điểm, **Stack** mở danh sách nhóm điểm.

Khi con trỏ ở trường: **PT1**, **PT2** gõ vào số hiệu điểm dẫn xuất, **AZ** nhập góc phương vị đoạn PT1-PT2 (có thể tìm AZ bằng chức năng

13.1.1 Tính giữa hai điểm ở trên); rồi tuần tự nhập giá trị cạnh bằng tính từ điểm gốc PT1, cạnh bằng vuông góc đoạn PT1-PT2 tính từ điểm PT2, chênh cao so với đoạn PT1-PT2 tới điểm cần tính, rồi ấn ENT kết thúc, màn hình kết quả tính tọa độ điểm mới hiện ra. Muốn lưu điểm này vào bộ nhớ phải khai báo tên mới cho nó.

Trường hợp khi con trỏ ở trường **PT1**, **PT2** mà ấn phím ENT ngay, bật ra cửa sổ nhập tọa độ điểm dẫn xuất và điểm này không lưu vào bộ nhớ, nếu muốn lưu thì phải khai báo tên mới.

Kết thúc công việc, tuần tự ấn phím ESC thoát về màn hình cơ bản.



Input P1 P1: P10 AZ: P2: MsrPT List Stack Line & Offset Sta: 50.5500 m O/S: 7.2500 m dVD: * dVD based on P1-Z	Input AZ or P2 P1: P10 AZ: P2: X: 4567.3080 Y: 200.1467 Z: 0.5800 PT: 86 CD: CURB	X: 4567.3080 Y: 200.1467 - REC XYZ - CD: CURB
---	--	--

11.5 Tính tọa độ các điểm giao cắt chọn 5.Intersection

Ấn ENT, mở bốn mục tính ứng dụng, chọn một trong bốn cách tính sau:

Cogo 1. Inverse 2. Input 3. Area & Perim 4. Line & O/S 5. Intersection

11.5.1 Tính điểm giao cắt dựa vào hai điểm và hai góc phương vị chọn 1.Brng-Brng

Ấn ENT, hiện ra cửa sổ nhập điểm, dòng đáy có ba phím mềm MsrPT cho phép thực hiện đo để lấy tọa độ, List mở danh sách điểm, Stack mở danh sách nhóm điểm.

Sau khi nhập xong PT1 hoặc PT2, khi con trỏ ở trường AZ, đáy màn hình hiện 2 phím mềm: O/S cho phép nhập góc bằng và cạnh bằng giả định, Pts cho phép tính ra AZ dựa vào điểm phụ.

Ấn ENT, màn hình kết quả tính hiện ra, riêng cao độ Z bỏ trống cho phép nhập bằng tay nếu cần. Muốn lưu điểm này vào bộ nhớ phải khai báo tên mới cho nó.

Intersection 1. Brng-Brng 2. Brng-Dist 3. Dist-Dist
Intersection 1. Brng-Brng 2. Brng-Dist 3. Dist-Dist 4. Pt-Line

Input P1 P1: AZ: (CAng: 0.0000 O/S: 0.0000) MsrPT List Stack	Input AZ P1: P10 AZ: (CAng: 0.0000 O/S: 0.0000) O/S Pts X: 200.3080 Y: -64.2315 Z: PT: 503 CD: CURB	Calc AZ by Pts Fr: P10 To: MsrPT List Stack
---	---	---

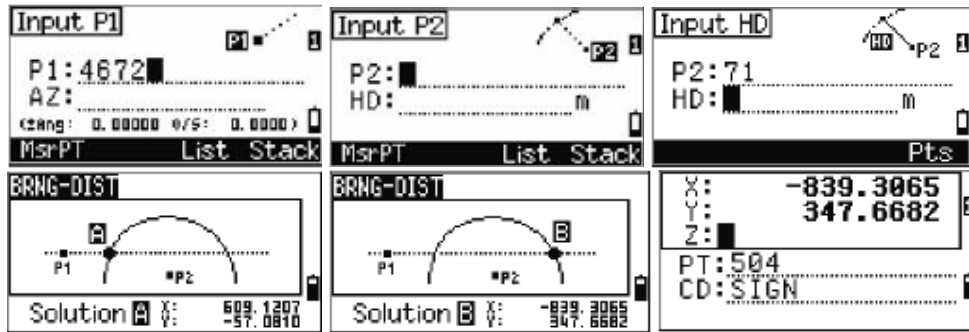
Intersection 1. Brng-Brng 2. Brng-Dist 3. Dist-Dist 4. Pt-Line
--

11.5.2 Tính điểm giao cắt của đoạn thẳng và cung tròn biết bán kính chọn 2.Brng-Dist

Ấn ENT, hiện ra cửa sổ nhập điểm, dòng đáy có ba phím mềm MsrPT cho phép thực hiện đo để lấy tọa độ, List mở danh sách điểm, Stack mở danh sách nhóm điểm.

Sau khi nhập xong PT1, khi con trỏ ở trường AZ, đáy màn hình hiện 2 phím mềm: O/S cho phép nhập góc bằng và cạnh bằng giả định, Pts cho phép tính ra AZ dựa vào điểm phụ.

Sau khi nhập xong PT2 và HD, ấn ENT, màn hình hiện ra hai kết quả tính, dùng phím mũi tên di chuyển ngang để chọn điểm cần tính, riêng cao độ Z bỏ trống cho phép nhập bằng tay nếu cần. Muốn lưu điểm này phải khai báo tên mới cho nó.

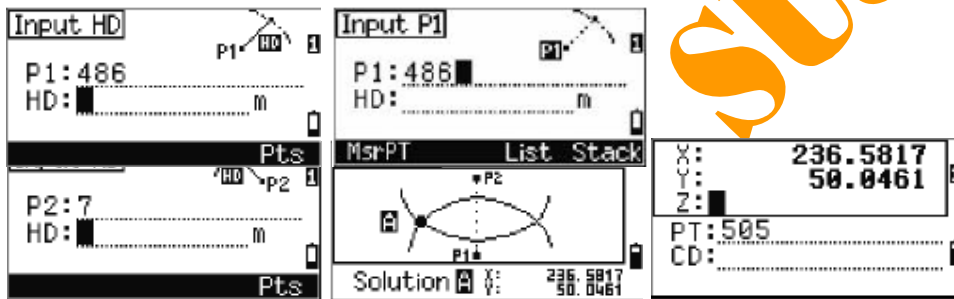
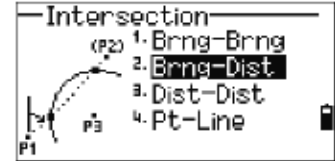


11.5.3 Tính điểm giao cắt của hai cung tròn biết bán kính chọn

3. Dist-Dist

Ấn ENT, hiện ra cửa sổ nhập điểm, dòng đáy có ba phím mềm **MsrPT** cho phép thực hiện đo để lấy tọa độ, **List** mở danh sách điểm, **Stack** mở danh sách nhóm điểm.

Sau khi nhập xong **P1** và **HD**, ấn ENT, màn hình hiện ra hai kết quả tính, dùng phím mũi tên di chuyển ngang để chọn điểm cần tính, riêng cao độ **Z** bỏ trống cho phép nhập bằng tay nếu cần. Muốn lưu điểm này vào bộ nhớ phải khai báo tên mới cho nó.



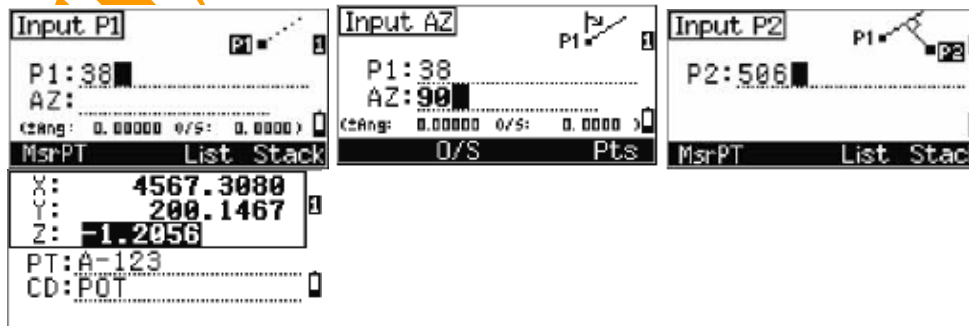
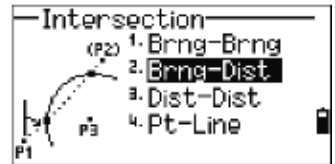
11.5.4 Tính điểm giao cắt dựa vào đoạn thẳng và một điểm chọn

4. Pt-Line

Ấn ENT, xuất hiện cửa sổ nhập điểm, dòng đáy có ba phím mềm **MsrPT** cho phép thực hiện đo để lấy tọa độ, **List** mở danh sách điểm, **Stack** mở danh sách nhóm điểm.

Sau khi nhập xong **PT1**, khi con trỏ ở trường **AZ**, đáy màn hình hiện 2 phím mềm: **O/S** cho phép nhập góc bằng và cạnh bằng giả định, **Pts** cho phép tính ra AZ dựa vào điểm phụ.

Sau khi nhập xong **PT2** ấn ENT, màn hình hiện ra kết quả tính, riêng cao độ **Z** bỏ trống cho phép nhập bằng tay nếu cần. Muốn lưu điểm này vào bộ nhớ phải khai báo tên mới cho nó.

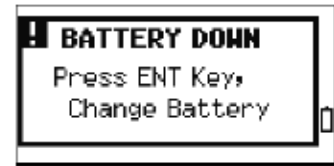


12. Các thông báo xuất hiện khi vận hành, ý nghĩa và cách thao tác

! Bất kỳ khi nào xuất hiện của sổ:

Nghĩa là: nguồn pin yếu

Làm như sau: ấn ENT kết thúc và thay pin dự phòng, nạp lại pin hết



12.1 Khi thao tác đặt trạm máy

12.1.1 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: **STN Setup has to be in F1/F2**

Nghĩa là: trong khi thực hiện thao tác đặt trạm, bạn đã chọn chế độ đo hai mặt tới điểm hướng chuẩn (để có kết quả chính xác hơn).

Làm như sau: ấn một phím bất kỳ, quay về làm lại thao tác đo cả hai mặt tới điểm hướng chuẩn

12.1.2 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: **Same Coordinate**

Nghĩa là: bạn nhập trùng số hiệu điểm hoặc toạ độ.

Làm như sau: ấn một phím bất kỳ, quay về nhập thay lại điểm hay toạ độ.

12.1.3 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: **Calc ST Failed Need additional PT**

Nghĩa là: thiếu điểm đo.

Làm như sau: ấn một phím bất kỳ, quay về nhập thêm điểm đo.

12.1.4 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: **Space Low**

Nghĩa là: thiếu vùng trống bộ nhớ trong.

Làm như sau: ấn ESC hay phím mềm Abt thoát ra. Dùng phím mềm DEL xóa bớt bản ghi điểm hay việc trong bộ nhớ. Nếu ấn ENT hay phím mềm OK là bỏ qua không khi vào bộ nhớ.

12.1.5 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: **XY-coordinates required**

Nghĩa là: điểm nhập thiếu toạ độ XY (NE).

Làm như sau: ấn một phím bất kỳ, quay về màn hình nhập điểm, gõ nhập toạ độ.

12.1.6 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: **Z-coordinate is required**

Nghĩa là: điểm cao độ không chế nhập thiếu toạ độ Z.

Làm như sau: ấn một phím bất kỳ, quay về màn hình nhập điểm, gõ nhập toạ độ.

12.2 Khi tính địa hình

12.2.1 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: **No Result**

Nghĩa là: trong khi thực hiện tính chu vi, bạn nhập số hiệu điểm sai trật tự.

Làm như sau: ấn một phím bất kỳ, quay về nhập lại các điểm theo đúng trật tự.

12.2.2 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: **Same Coordinate**

Nghĩa là: bạn nhập trùng số hiệu điểm hoặc toạ độ.

Làm như sau: ấn một phím bất kỳ, quay về nhập thay lại điểm hay toạ độ.

12.2.3 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: **XY-coordinate is required**

Nghĩa là: điểm nhập thiếu toạ độ XY (NE).

Làm như sau: ấn một phím bất kỳ, quay về màn hình nhập điểm, gõ nhập toạ độ.

12.3 Khi xuất/ nhập dữ liệu với máy tính

12.3.1 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: **Check Data**

Nghĩa là: trong dữ liệu nhập có sai sót.

Làm như sau: ấn một phím bất kỳ, kiểm tra sửa lỗi dòng dữ liệu.

12.3.2 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: **DUPLICATE PT**

Nghĩa là: trong dữ liệu nhập có điểm trùng.

Làm như sau: ấn một phím bất kỳ, kiểm tra sửa lỗi dữ liệu (có thể thay tên điểm)

12.3.3 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: **PT MAX20 chars**

Nghĩa là: điểm nhập có tên dài quá 20 ký tự.

Làm như sau: ấn một phím bất kỳ, kiểm tra sửa lỗi tên điểm.

12.3.4 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: **XYZ OVER RANGE**

Nghĩa là: điểm nhập có toạ độ dài quá 13 ký tự.

Làm như sau: ấn một phím bất kỳ, kiểm tra sửa lỗi toạ độ.

12.4 Xem dữ liệu

12.4.1 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: **Can't Edit Current ST**

Nghĩa là: không thể sửa đổi bản ghi đặt trạm hiện thời. Nhưng bản ghi cũ thì có thể sửa đổi, nhưng không tính toán lại được.

Làm như sau: ấn phím bất kỳ quay về màn hình nhập tên lớp/mã địa hình.

12.4.2 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: **Can't Edit ST/BS refer to this PT**

Nghĩa là: không thể sửa toạ độ bản ghi đặt trạm và hướng chuẩn hiện thời với điểm này.

Làm như sau: ấn phím bất kỳ quay về màn hình xem dữ liệu.

12.4.3 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: **Can't Edit XYZ from measurement**

Nghĩa là: không thể sửa toạ độ bản ghi với điểm truyền dẫn SO, ngắm đo SS và đo tính CP.

Làm như sau: ấn phím bất kỳ quay về màn hình trước đấy.

12.4.4 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: **DELETE Stn-XYZ**

Nghĩa là: câu hỏi để bạn xác nhận thao tác xoá bản ghi toạ độ đặt trạm và hướng chuẩn hiện thời.

Làm như sau: ấn phím mềm **DEL** là xoá, ấn phím mềm **Abt** hay ESC là thoát ra không xoá.

12.5 Quản lý công việc

12.5.1 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: **Cannot Assign**

Nghĩa là: không thể đưa công việc hiện thời làm file khổng chế.

Làm như sau: ấn phím bất kỳ quay về màn hình trước đấy, chọn công việc khác.

12.5.2 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: **Can't Create**

Nghĩa là: bộ nhớ trong không còn đủ để tạo công việc hay bản ghi điểm.

Làm như sau: ấn phím bất kỳ quay về màn hình quản lý việc, chọn công việc không cần nhớ dùng phím mềm **DEL** xoá bớt.

12.5.3 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: **Existing Job**

Nghĩa là: đã có việc mang tên này.

Làm như sau: ấn phím bất kỳ và thay bằng tên khác.

12.5.4 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: **MAX 32Jobs**

Nghĩa là: bộ nhớ hiện thời đã có tên 32 việc, không thể tạo thêm được tên mới.

Làm như sau: ấn phím bất kỳ quay về màn hình quản lý công việc. Chọn việc không cần thiết, dùng phím mềm **DEL** xoá bớt.

12.6 Đo theo chương trình khi ấn PRG

12.6.1 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: **No Stn Setup**

Nghĩa là: bạn chưa làm thao tác đặt trạm trước khi vào chức năng đo theo chương trình.

Làm như sau: ấn phím 2 hay phím mềm **Stn Setup** để thao tác đặt trạm. Ấn ESC thoát về màn hình cơ bản. Ấn phím 1 hay phím mềm **Continue** quay về menu chương trình.

12.6.2 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: **XY&Z coordinate are required**

Nghĩa là: khi thực hiện chức năng đo tính tìm điểm trên mặt phẳng đi qua hai điểm đã biết cần nhập đủ toạ độ.

Làm như sau: ấn phím bất kỳ quay về màn hình nhập điểm, nhập đủ thông số các toạ độ.

12.7 Khi ghi dữ liệu vào bộ nhớ

12.7.1 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: **DATA FULL**

Nghĩa là: bộ nhớ đầy.

Làm như sau: ấn phím bất kỳ quay về màn hình chính. Chọn việc không cần thiết để xoá thông qua MENU→Job, hay chọn bản ghi điểm không cần thiết để xoá thông qua MENU→Data, dùng các phím mũi tên di chuyển con trỏ và phím mềm **DEL** xoá bớt.

12.7.2 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: **DUPLICATE PT**

Nghĩa là: khi nhập điểm bạn đã khai trùng tên với điểm hiện thời có trong bộ nhớ.

Làm như sau: ấn phím bất kỳ quay về màn hình nhập điểm, đổi tên điểm.

12.7.3 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: **Duplicate PT**

Nghĩa là: khi nhập điểm bạn đã khai trùng tên với điểm hiện thời có trong bộ nhớ có thể thao tác đo lấy kết quả ghi đề.

Làm như sau: ấn phím ESC hay phím mềm **Abt** quay về màn hình nhập điểm, ấn phím mềm **XYZ** ghi dữ liệu góc cạnh và tọa độ, ấn phím mềm **RAW** ghi dữ liệu góc cạnh.

12.7.4 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: **No Open Job**

Nghĩa là: chưa mở ra một tên việc.

Làm như sau: ấn phím 1 hay chọn **Select job** mở danh sách tên việc hiện có trong bộ nhớ để chọn, ấn phím 2 hay **Create job** tạo tên việc mới, ấn phím ESC quay về màn hình trước đây.

12.7.5 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: **No Stn Setup**

Nghĩa là: chưa thực hiện thao tác đặt trạm.

Làm như sau: ấn phím 1 hay chọn **Continue** mở bản ghi đặt trạm đã có và xác nhận lại hướng ngắm chuẩn, ấn phím 2 hay **STN Setup** thao tác đặt trạm, ấn phím ESC quay về màn hình trước đây.

12.7.6 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: **OVER RANGE**

Nghĩa là: ghi tọa độ dài quá 13 ký tự.

Làm như sau: ấn một phím bất kỳ quay về màn hình trước đây, kiểm tra tọa độ trạm hiện thời.

12.8 Khi tìm bản ghi điểm

12.8.1 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: **PT Not Found**

Nghĩa là: không tìm được điểm phù hợp

Làm như sau: ấn một phím bất kỳ quay về màn hình nhập tên, thao tác lại.

12.9 Khi thao tác cài đặt

12.9.1 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: **Job Settings will be changed**

Nghĩa là: Có ít nhất một trong các tham số cài đặt đã thay đổi

Làm như sau: nếu không muốn thay đổi ấn phím ESC hay chọn phím mềm **Abt**, nếu thay đổi ấn phím ENT hay chọn phím mềm **OK**.

12.10 Khi tìm điểm ngoài thực địa

12.10.1 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: **Input Error**

Nghĩa là: nhập sai tên điểm

Làm như sau: ấn phím bất kỳ quay về màn hình nhập điểm, thay đúng tên.

12.10.2 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: **No Stn Setup**

Nghĩa là: bạn chưa làm thao tác đặt trạm trước khi vào chức năng đo tìm điểm.

Làm như sau: ấn phím 2 hay phím mềm **Stn Setup** để thao tác đặt trạm. Ấn ESC thoát về màn hình cơ bản. Ấn phím 1 hay phím mềm **Continue** quay về menu chương trình.

12.11 Báo lỗi hệ thống

12.11 Nếu màn hình xuất hiện dòng chữ: **= System Error =**

Nghĩa là: sự cố máy, về phần cứng có thêm dòng số hiệu lỗi bên dưới

Làm như sau: dừng làm việc, ghi chi tiết hoàn cảnh xuất hiện lỗi, gửi về cơ sở sửa chữa.

13. Truyền dữ liệu bằng phần mềm Transit

Transit là phần mềm truyền dữ liệu có chức năng truyền dữ liệu hai chiều giữa máy toàn đạc Nikon và máy tính qua cổng serial RS232 và cáp. Các chức năng hỗ trợ gồm khả năng tạo và sửa đổi các công việc, xuất nhập dữ liệu, xuất nhập dữ liệu khảo sát giữa một số dạng file dữ liệu của phần mềm thứ ba.

13.1 Khởi động Transit- Trong Windows, nhấp kép vào biểu tượng TransIt, menu chính hiển thị

13.2 Menu chính Transit

File	Edit	Transfer	Process	Tools	Window	Help
-------------	-------------	-----------------	----------------	--------------	---------------	-------------

13.3 Các chức năng menu chính Transit

File

- **New Job:** tạo công việc mới.
- **Open Job:** Mở một công việc hiện có trong Transit.
- **Save Job:** Lưu một việc.
- **Save Job As:** Lưu một việc tới vị trí mới.
- **Import Job:** Nhập dữ liệu từ dạng phần mềm thứ ba sang dạng dữ liệu Nikon.
- **Export Job:** Xuất dữ liệu từ dạng dữ liệu Nikon sang dạng dữ liệu phần mềm thứ ba.
- **Print Report:** In file dữ liệu góc cạnh, tọa độ Nikon.
- **Properties:** Hiện thị tóm tắt việc chuẩn bị công việc.
- **Exit:** Thoát Transit.

Edit - soạn thảo

- **Delete Record:** Xóa bản ghi khảo sát hiện hành.
- **Undelete Record:** Khôi phục bản ghi khảo sát hiện hành đã xóa.
- **Insert Record:** Chèn kiểu khác của dữ liệu khảo sát.
- **Append Record:** Thêm bản ghi khảo sát tới cuối việc hiện hành.
- **Search Record:** Tìm bản ghi khảo sát đơn lẻ.

Transfer - truyền

- **Data Recorder to PC:** Truyền dữ liệu khảo sát từ máy toàn đạc/ sổ tay tới máy tính.
- **PC to Data Recorder:** Truyền dữ liệu từ máy tính tới máy toàn đạc, hay sổ tay.

Process - xử lý

- **Calculate Coords:** Tính trị số các tọa độ.
- **View Reprocess Log:** Hiện thị báo cáo sau khi xử lý.
- **View Upload/Export:** Hiện thị báo cáo sau khi xuất/nhập dữ liệu.

Tools - các công cụ

- **Comm. Settings:** Cài đặt thông tin cho chọn cổng Com và tốc độ truyền tin.
- **Export Settings:** Cài đặt xuất cho các tùy chọn DXF và tọa độ.
- **Job Settings:** Cài đặt kiểu dữ liệu và hiệu chuẩn.
- **Code List Tools:** Dụng cụ tạo danh sách mã địa hình.
- **COGO:** Tính toán tọa độ địa hình.

Window - cửa sổ

- **Arrange Icons:** Xếp đặt các biểu tượng ở đáy cửa sổ.

Help - trợ giúp

- **Contents:** Hiện thị mục lục phần trợ giúp Transit.
- **Search for Help On:** Tìm trợ giúp theo chủ đề.
- **Technical Support:** Hỗ trợ kỹ thuật sử dụng và thông tin sự cố.
- **About:** Hiện thị thông tin về bản quyền và phần mềm.

13.4 Tải dữ liệu Transit

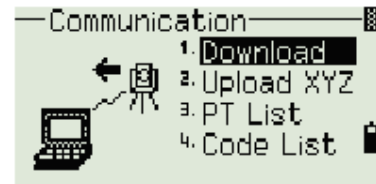
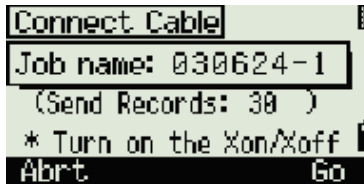
Thao tác trên máy tính

- Nháy kép biểu tượng Transit trong Windown khởi động chương trình
- Từ menu chính chọn Transfer
- Từ menu Transfer chọn Data Recorder to PC
- Trong hộp lựa chọn seri máy, chọn đúng loại máy giao diện
- Trong hộp lựa chọn Job name, nhập tên công việc, nháy nút OK
- Xuất hiện màn hình báo “Prepare Nikon Total Station...”, kiểm tra cáp và thông tin giao diện của máy toàn đạc, nháy nút OK.
- Khi màn hình báo hoàn thành “Transit Transfer Complete”, nháy nút OK

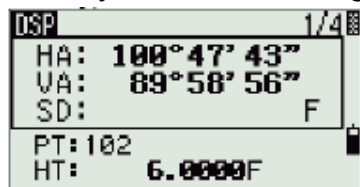
Thao tác trên máy toàn đạc

- Nối cáp từ máy toàn đạc vào máy tính

- Ấn phím Menu
- Ấn phím 5 chọn 5.Comm
- Ấn phím 1 chọn 1.Download
- Xuất hiện màn hình cài đặt tải dữ liệu
- Chọn định dạng NIKON và dạng file RAW/ COORD và ấn ENT
- Kiểm tra cáp nối máy tính và máy toàn đạc



- Ấn phím ANG ứng với phím mềm Go
- Xuất hiện màn hình gửi dữ liệu và đếm ngược bản ghi xuất cho đến khi báo hoàn thành
- Ở màn hình xoá tên công việc vừa xuất chọn một trong hai: ấn phím MSR1 ứng với Abrt nghĩa là không xoá file gốc trên máy toàn đạc, ấn phím ANG ứng với phím mềm DEL là xoá file gốc vừa xuất.
- Máy quay về màn hình đo chính
- Chọn OK ở máy tính sau khi tải xong.



13.5 Chuyển đổi dữ liệu Transit

Phần mềm Transit có thể xuất/ nhập rất nhiều kiểu dạng dữ liệu của phần mềm nội nghiệp (thứ ba) với máy toàn đạc, để thực hiện thao tác như sau:

Xuất dữ liệu- Để xuất dữ liệu định dạng Nikon sang phần mềm thứ ba

- Chọn File từ menu chính Transit
- Chọn Export Job từ menu file
- Chọn Export Format từ hộp chọn định dạng xuất
- Gõ tên công việc vào hộp chọn Job Name và nháy hộp OK
- Gõ tên file xuất và ấn ENT
- Ở màn hình báo hoàn thành, chọn OK

Nhập dữ liệu- Để nhập dữ liệu dạng phần mềm thứ ba sang dạng Nikon

- Chọn File từ menu chính Transit
- Chọn Import Job từ menu file
- Chọn Data Format từ hộp chọn định dạng nhập
- Gõ tên công việc vào hộp chọn Job Name và nháy hộp OK
- Ở màn hình báo hoàn thành, chọn OK

13.6 Nhập dữ liệu Transit tới máy toàn đạc

Thao tác trên máy tính

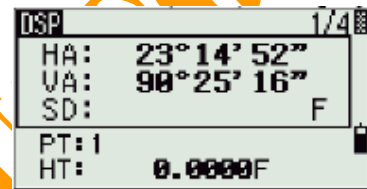
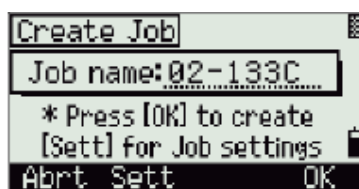
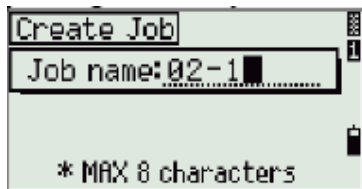
- Trong Windows nháy kép vào biểu tượng Transit khởi động chương trình
- Chọn File từ menu chính Transit
- Chọn Import Job từ menu file
- Chọn Data Format từ hộp chọn định dạng dữ liệu

- Chọn tên công việc nhập trong hộp chọn Job Name và nhấn OK
- Khi màn hình báo hoàn thành chọn OK
- Chọn Transfer từ menu chính Transit
- Chọn PC to Data Recorder từ menu tải
- Chọn tên máy từ hộp chọn kiểu máy và nhấn OK
- Nhập tên việc trong hộp chọn Job Name và nhấn OK
- Chuẩn bị máy toàn đạc để nhận dữ liệu
- Trên màn hình thông báo Transit nhấn OK



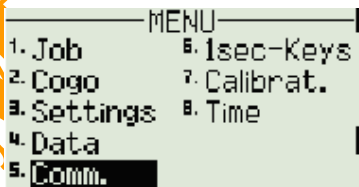
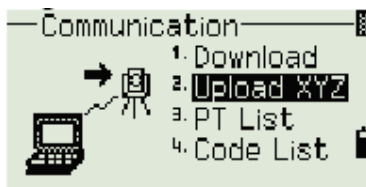
Thao tác trên máy toàn đạc

- Nối máy toàn đạc và máy tính bằng cáp
- Tạo tên công việc để nhận dữ liệu
- + Ấn phím Menu
- + Chọn 1.Jobs bằng cách ấn phím 1

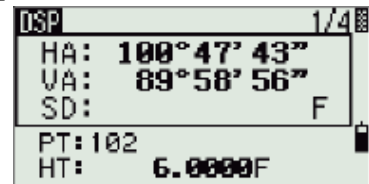
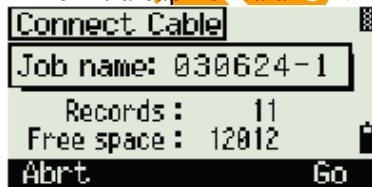


- + Chọn phím mềm Creat bằng cách ấn phím MSR1 . Nhập **tên công việc** tới 8 ký tự, ấn ENT
- + Xuất hiện màn hình xác nhận tên việc mới tạo ra . Chọn phím mềm OK bằng cách ấn phím ANG.

- +Xuất hiện màn hình đo chính
- Ấn phím Menu
- Ấn phím 5 chọn 5.Comm



- Ấn phím 2 chọn 2.Upload XYZ, xuất hiện màn hình định dạng nhập
- Kiểm tra cáp nối và ấn ENT, xuất hiện màn hình xác nhận nhập , ấn phím ANG chọn phím mềm Go để nhận, đồng thời ấn OK trên máy tính để xuất. Trên màn hình nhận có đếm số lượng bản ghi đang nhận cho đến khi hoàn thành.



- Kết thúc máy quay về màn hình đo chính